**BÀI 9**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**\* Yêu cầu cần đạt**

- Phân tích được nội dung, mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo. Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.

- Nhận biết, phân tích và sửa được các lỗi về thành phần câu, từ đó có ý thức viết câu đúng ngữ pháp.

- Viết được văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống, có hệ thống luận điểm rõ ràng, lý lẽ và bằng chứng thuyết phục, cấu trúc chặt chẽ.

- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội, nêu và phân tích đánh giá các vấn đề xã hội; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung thuyết trình và đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

- Trân trọng, bảo vệ tôn vinh những phẩm chất, giá trị nhân văn tốt đẹp: lòng nhân ái, sự bình đẳng, quyền con người, tiếng mẹ đẻ.

**\* Nội dung và thời lượng**

**1. Đọc**

- Đọc hiểu VB 1: *Tôi có một giấc mơ* (Mác-tin Lu-thơ Kinh) - 02tiết

- Đọc hiểu VB 2: *Một thời đại trong thi ca* (Hoài Thanh) - 02 tiết

- Thực hành đọc hiểu: *Lại đọc “Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân* (Nguyễn Đăng Mạnh) - 01 tiết

**2. Thực hành tiếng Việt**

- Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục - 01tiết

**3. Viết**

- Viết bài nghị luận về một hiện tượng đời sống – 02 tiết

**4. Nói và nghe**

-Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống – 02 tiết

**5. Tự đánh giá và hướng dẫn tự học**

- Tên bài: Thế hệ trẻ cần phải có quyết tâm lớn và phải biết hành động (Hướng dẫn HS tự học)

**PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu văn bản)**

**Tiết 91, 92**

***Tôi có một giấc mơ* (Mác - tin Lu – thơ Kinh)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu được văn bản nghị luận xã hội, củng cố kiến thức về kiểu văn bản nghị luận đồng thời mở rộng hiểu biết về nghị luận xã hội.

- Xác định được cấu trúc của văn bản nghị luận xã hội, từ đó củng cố cách đọc hiểu văn bản nghị luận.

- Cung cấp những thông tin hữu ích về một trong những vấn đề xã hội có ý nghĩa toàn cầu: nạn phân biệt chủng tộc và phong trào chống phân biệt chủng tộc

**2. Về năng lực:**

**- Về năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói, nghe, năng lực hợp tác thông qua làm việc nhóm.

**- Về năng lực đặc thù:** Phát triển năng lực đọc hiểu và viết văn nghị luận, phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm đáp ứng nhu cầu cần đạt như sau:

+ Nhận biết và phân tích được nội dung, mối quan hệ các luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu. Xác định được ý nghĩa của văn bản, xác định được vai trò của yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

+ Nhận biết và phân tích được tính mạch lạc, tính liên kết của đoạn văn và văn bản, từ đó hiểu và sửa lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn và văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp (nhân ái, sẻ chia, trách nhiệm)

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video…

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó, huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời qua đó nêu nhiệm vụ học tập.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

# c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV chiếu một số hình ảnh về một số vấn đề được xem là vấn nạn trên thế giới và yêu cầu HS kể tên những vấn nạn đó  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - HS thảo luận cặp đôi và trả lời.  - GVquan sát, hỗ trợ góp ý.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời 1- 2 HS chia sẻ, 1-2 HS nhận xét  ***Bước 4: Đánh giá, kết luận***  \*GV dẫn giải: Một trong những vấn nạn mà thế giới đặc biệt quan tâm hiện nay, đó là nạn phân biệt chủng tộc. Vấn đề này được thể hiện rất rõ trong bài học hôm nay. | - Tình trạng khan hiếm lương thực, bạo hành với trẻ em và phụ nữ, dịch bệnh hoành hành, khủng bố, và đặc biệt là sự phân biệt chủng tộc… |

# HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

\* **Mục tiêu*:***

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp, ...) và hình thức (mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.

- Hình thành các kĩ năng, năng lực cần đạt được sau khi học.

\* **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**\* Tổ chức thực hiện**

***B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

GV nêu câu hỏi, vấn đề thảo luận, yêu cầu các nhóm tiến hành trao đổi, thảo luận và tranh biện. Yêu cầu HS ghi kết quả thảo luận, xác định quan điểm chung của mỗi nhóm, mỗi HS đều phải đưa ra luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ cho quan điểm chung của nhóm.

***B2.*** ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS thực hiện trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập

***B3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

- GV xem sản phẩm của HS. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.

- Dự kiến sản phẩm HS

***B4. Kết luận, nhận định:***

GV đánh giá, góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về bài học.**  ***\*Bước 1.* GV giao nhiệm vụ:**  GV giao PHT về nhà cho HS tìm hiểu về đặc trưng của văn bản nghị luận (luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu)  ***\*Bước 2.*** ***Thực hiện nhiệm vụ***  HS tự đọc và tìm hiểu phần kiến thức Ngữ văn, hoàn thành PHT ở nhà  ***\*Bước 3.* *HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  HS trình bày PHT trước lớp  \****Bước 4. GV Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt, bổ sung | **1. Một số tri thức về thể loại**:  - Luận điểm, lý lẽ tiêu biểu, độc đáo là ý đúng, ý sâu, ý mới của người viết, khiến người đọc cảm thấy thích thú, tâm đắc. Dẫn chứng tiêu biểu là những dẫn chứng điển hình, có tác dụng soi sáng luận điểm hoặc lý lẽ.  - Trong văn bản nghị luận, các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự được sử dụng kết hợp với những yếu tố nghị luận để tăng cường tính thuyết phục cho luận đề, luận điểm.  - Nhờ các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự mà lý lẽ và dẫn chứng (số liệu, sự vật, hiện tượng, sự việc, con người…) trở nên cụ thể và sinh động, giúp cho văn bản nghị luận vừa giàu chất trí tuệ, vừa gợi hình, gợi cảm. |
| **2. Hoạt động đọc văn bản**  **2.1. Trước khi đọc văn bản**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu trước ở nhà về tác giả, văn bản.  ? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Mac-tin Lu-thơ Kinh, văn bản ***Tôi có một giấc mơ***?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS huy động những kiến thức đã tìm hiểu trước ở nhà để hoàn thành, đưa ra những băn khoăn, thắc mắc.  - GV theo dõi, hỗ trợ.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS 1: Trình bày những thông tin tìm hiểu được về tác giả  - HS 2: Trình bày thông tin tìm hiểu được về văn bản ***Tôi có một giấc mơ***  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  - GV tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt, bổ sung | **2. Hoạt động đọc văn bản: *Tôi có một giấc mơ* (Mác - tin Lu – thơ Kinh)**  **2.1. Trước khi đọc văn bản**  \* Tác giả:  - Là nhà hoạt động nhân quyền người Mỹ gốc Phi, người đoạt giải Noben Hòa bình năm 1964.  - Ông là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ cũng như lịch sử đương đại của phong trào chống phân biệt chủng tộc, được nhiều người trên khắp thế giới ngưỡng mộ như một người kiến tạo hòa bình, nhà hùng biện nổi tiếng.  \* Văn bản ***Tôi có một giấc mơ:***  - Ngày 28/8/1963, Mac-tin Lu-thơ Kinh đọc bài diễn văn nổi tiếng *“I Have a Dream”* tại Đài Tưởng niệm Lin-côn tại Oa-sinh-tơn, trước khoảng 250 000 người.  - Đây là một trong những bài diễn văn được yêu thích nhất và trích dẫn nhiều nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. |
| ***2.2. Đọc văn bản***  **\**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV định hướng HS đọc văn bản:  (Đây là bài văn nghị luận, các con hãy đọc với giọng văn làm sao truyền tải được thông điệp mà tác giả muốn hướng đến)  - Yêu cầu học sinh chú ý theo dõi bài đọc, GV sẽ gọi đọc nối tiếp để kiểm tra mức độ chú tâm của HS.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc nối tiếp.  - GV điều phối cho HS đọc một đoạn (không đọc hết cả bài)  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS nhận xét cách đọc của bạn  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá cách đọc | **2.2. Đọc văn bản**  **a. Đọc văn bản** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV chia lớp thành 04 nhóm.  Thời gian thảo luận nhóm 05 phút.  **Nội dung thảo luận**  **- Nhóm 1: Thảo luận vấn đề:** Xác định luận đề của bài viết ***Tôi có một giấc mơ***. Luận đề ấy đã được triển khai qua các phần thế nào?  ***- Nhóm 2:* Thảo luận vấn đề:** Ở phần (1),Mac-tin Lu-thơ Kinh đã thuyết phục mọi người về sự tham gia của mình trong hoạt động tuần hành bằng cách nào?  ***- Nhóm 3:* Thảo luận vấn đề**: Trong phần (2), để làm rõ luận điểm “chúng ta không bao giờ thỏa mãn…” trong cuộc *“đấu tranh vì quyền con người”,* tác giả đã đưa ra những lý lẽ nào? Vì sao người viết không đưa ra những dẫn chứng cụ thể?  ***- Nhóm 4:* Thảo luận vấn đề**: Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng nhiều lần trong văn bản. Hãy phân tich tác dụng của biện pháp này trong việc thể hiện mục đích, thái độ của người diễn thuyết.  **Tiêu chí chấm điểm: theo rubric (phụ lục)**  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm nội dung phân công.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét phần thảo luận của các nhóm (về nội dung, hình thức)  - GV chốt kiến thức | **b. Đọc hiểu văn bản** ***Tôi có một giấc mơ:***  \*Luận đề của bài viết là ước mơ công lý và tự do cho người da đen, ước mơ về một đất nước không còn phân biệt chủng tộc. Luận đề trên đã được thể hiện một cách khái quát ở nhan đề ***Tôi có một giấc mơ*** và được triển khai như sau:  - Phần 1: Lý do tham gia cuộc tuần hành phản đối sự bất công dành cho người da đen.  - Phần 2: Sự kiên trì, quyết tâm trong cuộc đấu tranh hòa bình cho công lý và quyền bình đẳng dành cho người da đen.  - Phần 3: Giấc mơ về quyền bình đẳng dành cho người da đen, về tình bằng hữu giữa người da đen và da trắng, về tự do và công bằng trên đất Mỹ.  \* Ở đoạn 1, Mac-tin Lu-thơ Kinh đã thuyết phục mọi người về sự tham gia của mình trong hoạt động tuần hành bằng cách dẫn ra cơ sở pháp lý về chống phân biệt chủng tộc (***Bản tuyên ngôn độc lập*** của nước Mỹ), rồi đưa ra những thực tế trái ngược với tinh thần của bản tuyên ngôn trên, từ đó lý giải vì sao mình lại có mặt ở đây để tham gia cuộc tuần hành.  \* Tác giả đã đưa ra nhiều lý lẽ, chẳng hạn: người da đen vẫn là nạn nhân của sự sợ hãi trong im lặng trước hành vi tàn bạo của cảnh sát; người da đen chỉ có thể chuyển từ ngôi nhà ổ chuột nhỏ hơn sang ngôi nhà ổ chuột lớn hơn; vẫn còn người da đen ở Mi-xi-xi-pi không được đi bầu cử …  Tác giả không đưa ra những dẫn chứng cụ thể vì lý lẽ mà tác giả nêu ra rất cụ thể, ngay trong lý lẽ đã thấy bóng dáng của những dẫn chứng thực tế, vả lại, những điều đó cũng khá phổ biến, ai cũng thấy có lẽ không cần nêu cụ thể một cá nhân, địa điểm, sự kiện nào.  \*Biện pháp điệp ngữ, điệp cấu trúc câu, ví dụ: Một trăm năm sau, chúng ta không bao giờ thỏa mãn khi …, tôi có một giấc mơ …  Tác dụng:  + Tạo ra điệp khúc, khẳng định mục đích nhấn mạnh, thái độ quyết liệt, tình cảm mạnh mẽ của tác giả về những vấn đề muốn thể hiện.  + Tạo âm hưởng mạnh mẽ, hào hung, tăng tính thuyết phục cho bài diễn thuyết… |
| ***2.3. Sau khi đọc văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **- HS làm việc cá nhân:** tự chọn luận điểm, dùng lý lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ.  ***+*** *Giấc mơ của**Mac-tin Lu thơ Kinh đến nay đã trở thành hiện thực.*  *+ Giấc mơ của**Mac-tin Lu-thơ Kinh đến nay chưa trở thành hiện thực.*  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ và gạch ý chính ra nháp  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời 1- 2 HS đứng lên bày tỏ quan điểm.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét phần trình bày của HS  - Chốt kiến thức  Giấc mơ đó không hẳn đã thành hiện thực nhưng nó cũng đang mỗi ngày được thực hiện. Và tương lai giấc mơ đó có hoàn toàn thành hiện thực hay không đều phụ thuộc vào mỗi chúng ta ở đây, đặc biệt là thế hệ trẻ như các em. | **2.3. Sau khi đọc văn bản**  \* HS tự chọn luận điểm, dùng lý lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ. |
| ***2.4. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách/kinh nghiệm đọc.***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***- GV:*** Từ kết quả đọc hiểu chi tiết, rút ra những nhận xét khái quát về chủ đề và đặc điểm hình thức của văn bản nghị luận.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ, tìm hiểu  - GV nhận xét, định hướng  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trình bày kết quả làm việc.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét phần trình bày của HS  - Chốt kiến thức | **2.4. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách/kinh nghiệm đọc**  \*Khái quát đặc điểm thể loại  - Chủ đề: Bài viết thể hiện quyết tâm đấu tranh vì hòa bình và ước mơ cháy bỏng của tác giả về công lý và tự do cho người da đen, về sự bình đẳng và tình bằng hữu giữa người da đen và da trắng, về một đất nước không còn nạn phân biệt chủng tộc.  - Hình thức:  + Bài viết có luận điểm mới mẻ, lý lẽ sâu sắc, lập luận thuyết phục, giọng điệu hùng hồn.  + Sử dụng kết hợp yếu tố nghị luận với các yếu tố khác như thuyết minh, biểu cảm, tự sự, … để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận  \*Rút ra cách đọc một văn bản nghị luận xã hội  - Xác định luận đề (qua nhan đề, nội dung khái quát toàn văn bản).  - Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu.  - Chỉ ra, phân tích các yếu tố tạo nên sức thuyết phục cho luận điểm.  - Chỉ ra, phân tích thái độ, tư tưởng của tác giả. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Sản phẩm:** Phần trình bày của HS

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***- HS làm việc nhóm đôi***  ***- Thời gian 5’***  - GV nêu vấn đề: Với tiêu đề **Giấc mơ của tôi**, em hãy viết 01 đoạn văn  (khoảng 10 dòng) hoặc vẽ 01 bức tranh thể hiện mong muốn chấm dứt một tình trạng xấu, tiêu cực nào đó đang xảy ra với quê hương, đất nước mình hoặc với nhân loại.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc nhóm  - GV nhận xét, định hướng  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét phần trình bày của HS  - Cho điểm những nhóm có sản phẩm tốt. (nội dung, hình thức) | Đây là 1 câu hỏi mở nên HS tự làm (VD: Chấm dứt hoàn toàn đại dịch Covid, chấm dứt tình trạng trái đất ngày càng nóng lên…) |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV phát video bài hát “Heal the world” (Hàn gắn thế giới) của Michael Jackson và yêu cầu HS  + Ghi lại những điều con nhìn thấy trong video trên  + Chúng ta có thể làm gì để hàn gắn thế giới?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS lắng nghe, ghi chép những điều mình trông thấy, ý kiến của bản thân  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - 1- 2 HS trình bày phần ghi chép của mình, đưa ý kiến thảo luận về điều mình sẽ làm để hàn gắn thế giới.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét phần trình bày của HS | - HS trình bày kết quả làm việc của mình |

**PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu văn bản)**

**Tiết 93, 94**

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp, ...) và hình thức (mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.

**2. Về năng lực:**

**- Về năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói, nghe, năng lực hợp tác thông qua làm việc nhóm.

**- Về năng lực đặc thù:** Phát triển năng lực đọc hiểu và viết văn nghị luận, phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm đáp ứng nhu cầu cần đạt như sau:

+ Nhận biết và phân tích được nội dung, mối quan hệ các luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu. Xác định được ý nghĩa của văn bản, xác định được vai trò của yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

+ Nhận biết và phân tích được tính mạch lạc, tính liên kết của đoạn văn và văn bản, từ đó hiểu và sửa lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn và văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp (nhân ái, sẻ chia, trách nhiệm)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

**2. Học liệu:** SGK *Ngữ văn 11* - Tập 2, sách bài tập đọc hiểu; sách luyện viết,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **DẠY HỌC ĐỌC HIỂU**

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

\* GV hướng dẫn HS:

- Tìm hiểu về nhà phê bình Hoài Thanh và tác phẩm Thi nhân Việt Nam.

- Đọc trước đoạn trích Một thời đại trong thi ca

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề**

1.1. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

1.2. Nội dung: Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

1.3. Sản phẩm: tên tác giả thơ Mới

1.4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| Tuỳ từng bối cảnh dạy học, GV có thể lựa chọn cách sau (hoặc sáng tạo cách khác):  - Cách 1: GV tổ chức thi Nhìn hình đoán tên nhà thơ: Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử  Nội dung: Hs trả lời nhanh nhất giành chiến thắng  – Cách 2: Yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập (theo kĩ thuật KWL),điền thông tin vào cột (1) và cột (2), thông tin ở cột (3) sẽ điền sau khi đã đọc hiểu văn bản.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP: Về văn nghị luận | | | | (1)  Những điều em đã biết | (2)  Những điều em muốn biết | (3)  Những điều em biết thêm | | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... |   HS làm việc cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của GV.  GV yêu cầu HS trình bày, nhận xét sản phẩm của HS.  GV nhận xét, khen thưởng, biểu dương HS rồi nêu nhiệm vụ học tập: tìm hiểu văn nghị luận qua đoạn trích Một thời đại trong thi ca | Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ). |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng mới**

2.1. Mục tiêu

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp, ...) và hình thức (mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.

- Hình thành các kĩ năng, năng lực cần đạt được sau khi học.

2.2. Nội dung: Đọc văn bản; vận dụng các tri thức công cụ đã được cung cấp trong phần *Kiến thức ngữ văn* và *Chuẩn bị* vào đọc hiểu hình thức và nội dung của văn bản; trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau văn bản.

2.3. Sản phẩm: Bài trình bày bằng miệng hoặc Phiếu học tập đã hoàn thành.

2.4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung** | |
| **A-Một số tri thức về thể loại văn nghị luận**  ***\*Bước 1.* GV giao nhiệm vụ:**  GV giao PHT về nhà cho HS tìm hiểu về đặc trưng của văn bản nghị luận (luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu)  ***\*Bước 2.*** ***Thực hiện nhiệm vụ***  HS tự đọc và tìm hiểu phần kiến thức Ngữ văn, hoàn thành PHT ở nhà  ***\*Bước 3.* *HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  HS trình bày PHT trước lớp  \****Bước 4. GV Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt, bổ sung  **B.Một thời đại trong thi ca**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 04 nhóm (ứng với 4 tổ):  **- Nhóm 1:** Trình bày về tác giả Hoài Thanh  **- Nhóm 2:** Trình bày về Phong trào Thơ mới  **- Nhóm 3:** Trình bày về tác phẩm *“Thi nhân Việt Nam”*  + Các phương diện nghiên cứu  + Ý nghĩa  + Bố cục  **- Nhóm 4:** Trình bày về *“Một thời đại trong thi ca”*  +Vị trí đoạn trích ?  +Nội dung đoạn trích?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:  + Học sinh thảo luận  + Giáo viên giúp đỡ HS hoàn thành sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Mỗi nhóm cử 1 HS trình bày sản phẩm của nhóm  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  *GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.*  GV: **Quá trình phát triển của Phong trào thơ mới:** mở đầu bằng những cuộc tranh luận sôi nổi giữa thơ cũ và thơ mới. Tuy có sự chống trả quyết liệt nhưng thơ mới toàn thắng.  - Giai đoạn đầu ( 1932-1934) có nhiều bài non nớt nhưng không ít bài hay, trẻ trung, tươi mát, hấp dẫn. Thơ mới trong mấy năm đầu chất chứa lòng yêu nước, khát vọng tự do mãnh liệt với giọng thơ hùng tráng đầy cảm hứng lãng mạn của Thế Lữ, huy Thông, nụ cười hóm hỉnh của Nguyễn nhược Pháp, …  - Nửa sau những năm 30: cái tôi không còn bỡ ngỡ dè dặt mà táo bạo, mãnh liệt chân thành hơn, tâm điểm là Xuân Diệu và Huy Cận. Giai đoạn này xuất hiện nhiều bài về đồng quê  (Anh Thơ), trường thơ loạn-điên của Hàn Mặc Tử. Bích Khê mở rộng với thế giới nghệ thuật: từ cuộc sống đời thường vào thế giới tâm linh.  - Những năm cuối: nổi lên xu hướng siêu thoát, triét lí bí ẩn, tìm tòi cách tân về hình thức, tìm cảm giác trong rượu, thuốc phiện. Tuy nhiên vẫn là giọng thơ về tình yêu, quê hương cuộc đời: Tế hanh, nguyễn Bính, Hồ Dếnh.. | **A-Một số tri thức về thể loại văn nghị luận**  **1.Khái niệm**  Văn nghị luận là một thể loại văn mà trong bài tác giả dùng chủ yếu các lý lẽ, các dẫn chứng sau đó tiến hành lập luận chỉ ra các những điểm nhấn nhằm xác định cho người đọc, người nghe thấy được tư tưởng, quan điểm của mình gửi gắm vào tác phẩm.  **2. Đặc điểm**  - Trong văn nghị luận không thể thiếu luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng. Luận điểm, lý lẽ tiêu biểu, độc đáo là ý đúng, ý sâu, ý mới của người viết, khiến người đọc cảm thấy thích thú, tâm đắc. Dẫn chứng tiêu biểu là những dẫn chứng điển hình, có tác dụng soi sáng luận điểm hoặc lý lẽ.  - Trong văn bản nghị luận, các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự được sử dụng kết hợp với những yếu tố nghị luận để tăng cường tính thuyết phục cho luận đề, luận điểm.  - Nhờ các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự mà lý lẽ và dẫn chứng (số liệu, sự vật, hiện tượng, sự việc, con người…) trở nên cụ thể và sinh động, giúp cho văn bản nghị luận vừa giàu chất trí tuệ, vừa gợi hình, gợi cảm.  **B.Một thời đại trong thi ca**  **I. Tác giả và tác phẩm**  **1.Tác giả: Hoài Thanh (1909-1982)**  **- Tên khai sinh:** Nguyễn Đức Nguyên, xuất thân trong gia đình nhà nho nghèo yêu nước.  - **Quê quán:**  Xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.  **- L**à nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.  - Sự nghiệp văn học: V*ăn chương và hành động* (1936), *Thi nhân Việt Nam* (1942), *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1950)…  - Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về VH-NT năm 2000.  **2.** **Phong trào thơ mới – một thời đại trong thi ca**  - **Hình thành:** 1932 và phát triển đến 1945  **- Phát triển:**  + Buổi đầu: có nhiều bài non nớt nhưng không ít bài hay, trẻ trung, tươi mát, hấp dẫn.  + Nửa sau những năm 30 (1935-1939) phát triển ở đỉnh cao.  + Những năm cuối (1940-1945) có dấu hiệu khủng hoảng nhưng có bước đột phá.  - **Vai trò thơ mới:**  + Đánh dấu một bước tiến nhiều ý nghĩa của VHVN hiện đại.  + Như một cuộc CM trong thi ca -> góp phần làm phong phú tâm hồn con người mở ra một thế giới cảm xúc nhiều cung bậc và hương sắc, đem đến một sức sống mới, một bộ mặt mới.  **3. Tác phẩm: *“Thi nhân Việt Nam”***  - Công trình biên khảo có độ tin cậy cao về phong trào thơ mới (1932-1945) trên các phương diện: nghiên cứu, phê bình, tuyển thơ.  - Ra đời năm 1942 có ý nghĩa như một công trình tổng kết nổi bật trong đời sống VH đương thời.  - **Bố cục**:  + Tấm ảnh Tản đà và bài “Cung chiêu anh hồn Tđà”  + Bài tiểu luận: *“Một thời đại trong thi ca”*  + Giới thiệu và tuyển thơ của các nhà thơ mới: 169 bài thơ của 46 nhà thơ (1932 – 1941)  + Lời bạt – tâm sự của tác giả.  **4. Đoạn trích**: *“Một thời đại trong thi ca”*  **- Vị trí:** Đoạn trích thuộc phần đầu của quyển “***Thi nhân Việt Nam***”, là phần cuối của tiểu luận “*Một thời đại trong thi ca”.*  **- Nội dung**: *Tinh thần thơ mới***.** |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| **\**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV định hướng HS đọc văn bản:  (Đây là bài văn nghị luận, các con hãy đọc với giọng văn làm sao truyền tải được thông điệp mà tác giả muốn hướng đến)  - Yêu cầu học sinh chú ý theo dõi bài đọc, GV sẽ gọi đọc nối tiếp để kiểm tra mức độ chú tâm của HS.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc nối tiếp.  - GV điều phối cho HS đọc một đoạn (không đọc hết cả bài)  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS nhận xét cách đọc của bạn  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá cách đọc | **1. Đọc - chú thích** |
| **GV hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết văn bản**  GV hướng dẫn hs tìm hiểu chi tiết văn bản  Gv kết hợp vừa đặt vấn đề vừa dẫn dắt gợi mở kiến thức  - Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ  Gv sử dụng phiếu học tập số 1 cho HS xác định vấn đề bàn luận và hệ thống các luận điểm trong đoạn trích?    -B2 : Thực hiện nhiệm vụ  -B3 : Báo cáo  -B4 : kết luận.  **GV chia lớp thành 3 nhóm : Tìm hiểu về 3 luận điểm, các lí lẽ, dẫn chứng tác giả sử dụng để chứng minh cho luận điểm. Nhận xét cách tác giả lập luận và tình cảm, thái độ của tác giả với vẫn đề được nói đến.**  **Nhóm 1: Tìm hiểu về quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần Thơ mới.**  **Nhóm 2: Tinh thần Thơ mới là ở cả chữ Tôi**  **Nhóm 3: Cách giải quyết bi kịch**  - Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ  Sử dụng phiếu học tập số 2    -B2 : Thực hiện nhiệm vụ  -B3 : Báo cáo  -B4 : kết luận, đánh giá | **2. Đọc hiểu chi tiết**  - Vấn đề đoạn trích: Tinh thần thơ mới. Đây là nội dung bản chất, cốt lõi, chi phối toàn bộ thơ mới.  - Tác giả triển khai vấn đề bằng ba luận điểm:  + Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần thơ mới.  + Tinh thần thơ mới là ở cả chữ tôi.  + Cách giải quyết bi kịch cái tôi thơ mới.  **a. Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần Thơ mới.**  - Khó khăn: Thơ mới và thơ cũ không có sự phân biệt rạch ròi dễ nhận ra. Trong Thơ mới, Thơ cũ đều có những bài hay, bài dở, bài hay ít, bài dở nhiều. Đó là khó khăn phức tạp nhất.  - Quan điểm của Hoài Thanh:  + Không căn cứ vào cục bộ và bài dở (Vì cái dở chẳng tiêu biểu cho cài gì hết).  + Phải căn cứ vào đại thể (khái quát bản chất phổ biến nổi bật) và bài hay.  - Lí do: “Cái cũ và cái mới vẫn nối tiếp nhau thay đổi, thay thế nhau: Hôm nay phôi thai từ hôm qua, và trong cái mới vẫn còn rơi rớt ít nhiều cái cũ.”  - Nhận xét: Tác giả sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu. Nhưng không so sánh tỉ mỉ, vụn vặt, cá thể mà so sánh thời đại cùng thời đại và so sánh trên đại thể.  Đây là quan điểm đúng đắn, khoa học mà tác giả đặt ra ngay từ đầu để định hướng ngòi bút và định hướng sự tiếp nhận của người đọc.  **b. Tinh thần Thơ mới là ở cả chữ Tôi**  Hai luận cứ:  + Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới.  + Bi kịch của cái Tôi trong thơ mới.  **\*Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới.**  - Cái Ta- thơ cũ:  + Ý thức đoàn thể.  + Tác giả không dám dùng chữ Tôi, không tự xưng, ẩn mình sau chữ Ta- chữ chỉ chung cho nhiều người.  - Cái Tôi- thơ mới:  + Ý thức cá nhân.  + Xuất hiện trong thơ văn không biết từ lúc nào: bỡ ngỡ, lạc loài (vì quá mới mẻ, thể hiện quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân).  + Trong văn học trung đại: Cái Tôi mờ nhạt, tương đối, chìm đắm trong cái chung như giọt nước chìm trong biển cả.  + Cái tôi với ý nghĩa cá nhân tuyệt đối xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam vào những năm 20 của thế kỉ XX  - Nhận xét: Cách diễn đạt ngắn gọn, súc tích thể hiện sự tự tin trong khám phá và kết luận khoa học. Biện pháp so sánh đối chiếu đã làm nổi bật cái ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới, giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc toàn diện hơn.  **\* Bi kịch của cái Tôi trong Thơ mới.**  - Đoạn văn: “Đời chúng ta nằm trong vòng chữ Tôi cùng Huy Cận”.  - Đoạn văn khái quát chính xác, sâu sắc những biểu hiện chung, riêng, gần nhau và khác nhau của tinh thần thơ mới với phong cách- tư tưởng của các nhà thơ tiêu biểu  - Đặc sắc của đoạn văn: ngắn gọn, khái quát, cụ thể, không những chỉ ra ngưyên nhân mà còn thấy cả tiến trình và báo trước kết quả của tinh thần thơ mới.  - Lời văn sôi nổi với các từ “ta” (chúng ta, nhà nghiên cứu, người đọc) như đang đồng hành, sáng tạo, đồng cảm cùng những nhà thơ mới tài hoa nhất.  - Cụ thể:  + Cái chung: chữ Tôi. Nguyên nhân thực trạng: Mất bề rộng => Con đường vượt thoát: Tìm bề sâu => Kết quả: Bế tắc, càng đi sâu càng thấy lạnh.  + Cái riêng: Mỗi nhà thơ một khác nhau trên con đường vượt thoát, kết quả cũng mang màu sắc khác nhau:  Thế Lữ lên tiên nhưng động tiên đã khép.  Lưu Trọng Lư: phiêu lưu trong trường tình nhưng tình yêu không bền.  Hàn Mặc Tử- Chế Lan Viên: điên cuồng rồi tỉnh.  Xuân Diệu: say đắm nhưng vẫn bơ vơ.  Huy Cận: ngẩn ngơ buồn và sầu.  => Bi kich cái Tôi trong thơ mới: đáng thương, tội nghiệp, bơ vơ, lạc lõng trước cuộc đời. Nỗi buồn lan toả khắp trời đất, gieo khổ đau trong hồn người thanh niên.  - Nguyên nhân bi kịch:  + Do hoàn cảnh xã hội đương thời không cho người thanh niên nhiều khát vọng quyền sống đúng nghĩa.  + Do bản thân cái Tôi khi tách ra khỏi cái Ta đã mất đi điểm tựa vững chắc, trở nên bơ vơ, lạc lõng, thiếu tự tin  - Nhận xét: Nhận định xá đáng, tinh tế, câu văn mềm mại uyển chuyển, giọng văn đồng cảm, chia sẻ. tác giả còn khắc hoạ bi kịch bằng hình ảnh so sánh mềm mại tinh tế.  **c. Cách giải quyết bi kịch**  - Con đường:  +Gửi cả vào tình yêu tiếng Việt- tiếng mẹ đẻ thân thương.  +Tìm về dĩ vãng.  - Vì: Tiếng Việt là tấm lụa hứng vong hồn bao thế hệ người Việt trong qua khứ và hiện tại. Lớp thanh niên dùng tiếng Việt để bày tỏ tình yêu quê hương đất nước. Tiếng Việt bất diệtcũng như dân tộc Việt nam mãi mãi trường tồn.  - Nhận xét: Đó là con đường riêng của thơ mới, cũng có những tác dụng nhất định nhưng còn hạn chế trong hoàn cảnh đất nước còn nô lệ, phản ánh ý thức, tâm lí chủ quan của các nhà thơ mới. Tuy nhiên nó cũng rất đáng được lịch sử ghi nhận và trân trọng.  Hoài Thanh đã thể hiện tình cảm trân trọng thiết tha ấy qua hệ thống hình ảnh giàu cmả xúc: “gửi cả, yêu vô cùng, chia sẻ buồn vui, dồn tình yêu, hứng vong hồn”  III. Tổng kết  1. Nghệ thuật  - Sự kết hợp hài hoà giữa tính khoa học và tính nghệ thuật:  + Tính khoa học: Hệ thống luận điểm chuẩn xác, mới mẻ, sắp xếp mạch lạc. Dẫn chứng chọn lọc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Sử dụng biện pháp so sánh đối chiếu ở cấp độ phù hợp, mang lại hiệu quả.  + Tính nghệ thuật: lời văn thấm đẫm cảm xúc, giọng điệu thay đổi linh hoạt, cảm xúc người viết nồng nhiệt, gây truyền cảm, đồng cảm cao.  =>Một cách viết văn nghị luận văn chương dễ hiểu mà rất tài hoa, tinh tế, hấp dẫn.  2. Nội dung  Khẳng định sự thắng lợi của Thơ mới, ủng hộ mặt tích cực, lí giải bi kịch cái Tôi, cách giải quyết bi kịch của cái tôi trong thơ mới.  - Cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học vấn đề thơ mới, cái nhìn tiến bộ xuất phát từ chính tâm hồn người viết. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu*:*** Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

***b. Nội dung:*** HS thực hiện trả lời các yêu cầu của giáo viên:

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:Sử dụng kĩ thuật Think – Pair- Share**



**GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**: Câu hỏi 6

Văn bản *Một thời đại trong thi ca* có đoạn:

“Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần […] và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu”.

Đoạn văn trên giúp em có thêm những hiểu biết gì:

- Đặc điểm ngôn ngữ trong văn bản nghị luận văn học (phê bình văn học) của Hoài Thanh?

- Phong trào Thơ mới 1932-1945?

- Hãy tìm câu thơ để minh chứng cho hồn thơ của từng tác giả

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.

***+B1: Think (Nghĩ)****: HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên câu trả lời của mình.*

**+B2: Pair (Bắt cặp):** HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn.

**+B3:** **Share (Chia sẻ):** HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.

- Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.

- GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.

|  |  |
| --- | --- |
| Tác giả | VD |
| Thế Lữ | Trời cao xanh ngắt ô kìa / Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai (*Tiếng sáo Thiên Thai)* |
| Lưu Trọng Lư | Em không nghe rừng thu/ Lá thu kêu xào xạc/ Con nai…. (*Tiếng thu)* |
| Nguyễn Nhược Pháp | Hôm nay đi chùa Hương/ Hoa cỏ mờ hơi sương/ Cùng thầy me em dậy….soi gương. *(Chùa Hương)* |
| Huy Thông | Cờ Chư hầu đỏ rực như pha son/ Quằn quại cong trên nền trời lá mạ (*Tiếng địch sông Ô)* |
| Chế Lan Viên | Có một người nghèo không biết Tết/ Mang lì chiếc áo độ thu tàn/ Có đứa trẻ thơ không biết khóc/ Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran! *(Xuân)* |
| Nguyễn Bính | *Tương tư* (Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông…) |
| Xuân Diệu | *Vội vàng* |
| Huy Cận | *Tràng Giang* |

| **BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:**  -Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ  HS tham gia trò chơi Ô số may mắn    **Câu 1 : Tác phẩm phê bình văn học được đánh giá là xuất sắc nhất của Hoài Thanh?**  A. Văn chương và hành động  B. Thi nhân Việt Nam  C. Nói chuyện thơ kháng chiến  D. Có một nền văn hóa Việt Nam  Chọn đáp án : B  **Câu 2 : Bài tiểu luận “Một thời đại trong thi ca” nằm ở vị trí nào trong cuốn Thi nhân Việt Nam?**  A. Phần giới thiệu  B. Phần đầu  C. Phần thứ hai  D. Phần thứ ba  Chọn đáp án : B  **Câu 3 : Theo Hoài Thanh, điều cốt lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn Việt Nam lúc bấy giờ là gì?**  A. Nỗi buồn  B. Cái ta  C. Cái tôi  D. Phong cách thơ mới  Chọn đáp án : C  **Câu 4 : Người trí thức, thanh niên thời đại đã giải quyết bi kịch bằng cách nào?**  A. Trốn tránh  B. Không tìm cách giải thoát  C. Thoát lên tiên  D. Gửi tâm hồn vào tiếng Việt  Chọn đáp án : D |  |
| --- | --- |

**PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Tiết 95**

**LẠI ĐỌC *CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ* CỦA NGUYỄN TUÂN**

**Nguyễn Đăng Mạnh**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

Nhận biết các luận đề, luận điểm, luận cứ ….và vận dụng được các kiến về văn bản nghị luận để khai thác văn bản

- Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học

- Giới thiệu, đánh giá vẻ đẹp của tác phẩm văn học

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Củng cố tri thức về văn bản Nghị luận.

- Rèn luyện để phát triển kỹ năng đọc hiểu văn bản Nghị luận.

- Phát triển kỹ năng đọc hiểu: Nhận biết và phân tích được nội dung, mối quan hệ, cách sắp xếp của luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu về vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản Nghị luận. Xác định được mục đích, quan điểm của người viết và ý nghĩa, tác động của văn bản với bản thân.

**2.2. Năng lực chung:**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ hợp.

**3. Phẩm chất**

**- Nhân ái:** Giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp

**- Yêu nước:** Trân trọng và yêu thích khám phá vẻ đẹp của tác phẩm văn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng (Tivi).

- Bảng phụ, Giấy Ao, bút dạ.

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Phiếu học tập:

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1.TRƯỚC GIỜ HỌC**

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản

+ Cách sắp xếp, trình bày luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng

+ Tác phẩm văn học và người đọc

* Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu trước ở nhà: Hãy sử dụng sơ đồ tóm tắt những kiến thức cơ bản phần *Kiến thức ngữ văn* và nêu các câu hỏi hoặc những băn khoăn, thắc mắc về những kiến thức mà anh/chị chưa hiểu.

- Đọc trước văn bản *Lại đọc Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân* và tìm hiểu thêm về tác giả Nguyễn Đăng Mạnh

1. **TRÊN LỚP**

**Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**- Mục tiêu:** tạo tâm thế, hứng thú cho học sinh để đón nhận bài học, kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của học sinh. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

**-** **Nội dung:** Kiến thức, vốn sống của học sinh có liên quan đến bài học.

**- Sản phẩm**: Suy nghĩ, nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn và khí phách

- **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| - B1: + Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho học sinh nghe bài hát *Thư Pháp*  + Bài hát gợi cho e nhớ đến nhân vật truyện ngắn *Chữ người tử tù*  *+* Em nhận xét như thế nào về nhân vật.  - B2: Thực hiện nhiệm vụ( theo cặp)  - B3: Báo cáo kết quả  - B4: Nhận xét, bổ sung | - Đặc điểm nghệ thuật thư pháp  - Vẻ đẹp nhân vật Huấn Cao |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**- Mục tiêu:**

**+** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản một cách hiệu quả.

+ Nhận biết và phân tích được nội dung, mối quan hệ, cách sắp xếp của luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu và vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. Xác định được mục đích, quan điểm của người viết và ý nghĩa, tác động của văn bản đối với bản thân.

+ Nhận biết và phân tích được tính mạch lạc, tính liên kết của đoạn văn và văn bản; từ đó, nhận biết và sửa lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn và văn bản.

**- Nội dung**: Tìm hiểu các tri thức có liên quan (tác giả, cách đọc văn bản nghị luận văn học) và huy động trải nghiệm, vốn sống của HS.

**- Sản phẩm**:Câu trả lời của học sinh

- **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| -GV yêu cầu HS nhắc lại cách đọc văn bản nghị luận đã học ở bài đọc hiểu *Một thời đại trong thi ca*  HS trình bày.  - GV mời một số HS chia sẻ những thông tin tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Chữ người tử tù và văn bản Lại đọc chữ người tử tù của Nguyễn Tuân  -HS trình bày, đại diện nhóm báo cáo phần chuẩn bị của nhóm; các nhóm khác nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm (phụ lục)  B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Chia lớp thành 2 nhóm với nhiệm vụ cụ thể sau  + Nhóm 1: Vấn đề nghị luận trong đoạn 1 là gì; Xác định luận điểm chính; Người viết đã sử dụng những lí lẽ, lập luận gì để làm rõ?  + Nhóm 2: Nhận xét về giọng điệu, thái độ của người viết; tác giả đã rút ra vấn đề xã hội nào? Suy nghĩ của em về vấn đề đó?  - B2: Thực hiện nhiệm vụ( 5 phút)  - B3: Báo cáo kết quả  - B4: Nhận xét, bổ sung  -GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS tóm tắt những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản; từ đó rút ra cách đọc hiểu văn bản nghị luận trên cơ sở nắm bắt các đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận, cụ thể là nghị luận văn học.  - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong thời gian 01 phút.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1.Tác giả:**  - Sinh năm 1930 ở Nam Định, quê quán tại Gia Lâm, Hà Nội. Ông mất vào năm 2018.  - Là cán bộ giảng dạy của trường Đại học Sư phậm Hà Nội, nhà nghiên cứu phê bình  - Được coi là nhà nghiên cứu đầu ngành về văn học Việt Nam hiện đại và được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: In trong cuốn: Những bài giảng về tác gia văn học  - Thể loại: văn bản nghị luận văn học.  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nhan đề**  - Lại đọc: Thể hiện sự suy ngẫm,tìm tòi  - *Chữ người tử tù*: Đối tượng tìm hiểu  => Sự suy ngẫm của tác giả về những vấn đề đặt ra trong 1 tác phẩm văn học  **2. Cấu trúc văn bản**  - Phần mở đầu: Vấn đề nghị luận: Thế giới nhân vật của các nhà văn, đặc biệt của Nguyễn Tuân  - Phần Nội dung:  *-* Luận điểm 1: Cuộc gặp gỡ của những con người có tài năng và nhân cách  + Lí lẽ: cái đẹp , cái tài, sự trong sạch của tâm hồn đã tập hợp họ lại  + Lí lẽ: Trích dẫn: *ánh sáng đỏ rực của 1 bó đuốc…*  *-* Luận điểm 2: Tinh thần cứng rắn, gan góc của những con người cao thượng  + Lí lẽ: Khẳng định đó là thiên hướng tất yếu của dân tộc ta khi phải đối diện với kẻ thù  + Lí lẽ: Huấn Cao, viên quản ngục và thầy thơ lại đều có cái *vô uý* ấy  - Luận điểm 3: Thái độ của Huấn Cao với người quản ngục.  =>Ca ngợi vẻ đẹp tài hoa, khí phách, thiên lương của các nhân vật trong *Chữ người tử tù*  *-* Phần kết:Khẳng định vẻ đẹp của những con người biết cúi đầu, trân trọng cái tài, cái đẹp, cái thiên lương  3. Nghệ thuật  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp của các nhân vật trong tác phẩm văn học  - Gửi gắm bài học giáo dục sâu sắc  **2. Hình thức**  - Cấu trúc bài văn nghị luận chặt chẽ (mở đầu – thân bài – kết luận)  - Giọng điệu đối thoại, vừa trầm lắng nhẹ nhàng, vừa dứt khoát , mạnh mẽ  - Lập luận, lí lẽ chặt che, đầy tính thuyết phục  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu sắc thái biểu cảm.  **3. Cách đọc văn bản nghị luận**  - Đọc nhan đề và suy đoán vấn đề văn học được người viết đưa ra bàn luận.  - Đọc kĩ văn bản, nhận diện hệ thống luận điểm của bài viết.  - Ở mỗi luận điểm, tìm hiểu lí lẽ, dẫn chứng và cách lập luận để hiểu rõ mục đích, quan điểm của người viết và nét đặc sắc của hình thức trình bày. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a)Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu theo thể loại tác phẩm qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể.

**b)Nội dung**: HS thực hành làm bài tập

**c) Sản phẩm**: câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| GV: Em có suy nghĩ gì về quan điểm của tác giả về cái cúi đầu ở cuối văn bản? | * Linh hoạt trong cách ứng xử * Trân trọng trước nhân cách lớn lao |

**Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

**- Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**- Nội dung:** Làm bài tập

**- Sản phẩm:** Bài trình bày theo yêu cầu của GV

**- Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Viết đoạn văn ngắn từ 7-10 dòng, trình bày suy nghĩ của em về sức mạnh của thiên lương | - Hướng bản thân tới những điều tốt đẹp  - Cảm hoá cái xấu, cái ác  - Làm cho môi trường sống nhân văn… |

**3. SAU GIỜ HỌC**

-GV hướng dẫn HS tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận văn học để xác định được luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng từ việc đọc hiểu văn bản nghị luận trên; hướng dẫn HS: Từ bài thơ Thu vịnh và bài nghị luận trên, hãy vẽ một bức tranh về mùa thu hoặc chân dung Nguyễn Khuyến theo cảm nhận của em.

- Chuẩn bị soạn bài tiếp theo

**PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 96**

**LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA**

**(Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.

- HS nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết; biết các khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

**1. Năng lực**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**-** Năng lực đặc thù:

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

+ Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**2. Phẩm chất**

- Trung thực: Trung thực trong thực hiện và báo cáo các sản phẩm của nhóm

- Trách nhiệm: Trong thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm.

- Thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ.

**II. Thiết bị dạy học, học liệu và chuẩn bị của học sinh**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học lỗi thành phần câu và cách sửa

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Theo em trong thành phần câu thành phần nào là quan trọng nhất và không thể thiếu? Thành phần nào là thành phần phụ?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gợi ý: Trong câu có thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ. Thành phần phụ bao gồm có Trạng ngữ, bổ ngữ…. có tác dụng bổ sung nghĩa cho câu trở nên cụ thể sinh động.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong câu ngoài các thành phần chính như chủ ngữ, vị ngữ không thể thiếu thì các thành phần còn lại cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Tuy nhiên trong khi hành văn rất nhiều người vẫn còn mắc một số lỗi sai như lỗi về thiếu thành phần câu hoặc đảo lộn trật tự thành phần câu gây khó hiểu cho người đọc người nghe. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về “Lỗi thành phần câu và cách sửa” (tiếp theo)*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học**

1. **Mục tiêu:** Nắm được kiến thức về lỗi thành phần câu và cách sửa
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
3. **Sản phẩm học tập:**HS trả lời các kiến thức về lỗi thành phần câu và cách sửa
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV chia lớp thành 4 nhóm để tiến hành hoạt động hợp tác giải quyết vấn đề.**  **- GV giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm (mỗi nhóm làm 1 bài tập trong SGK/136 - 137, ngữ văn 11 - tập 2):**  **+ Nhóm 1: Làm bài tập 1**  **+ Nhóm 2: Làm bài tập 2**  **+ Nhóm 3: Làm bài tập 3**  **+ Nhóm 4: Làm bài tập 4**  -  GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, nhớ lại và trả lời.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận nhóm trong thời gian 15 phút.  + Chia sẻ: 3 phút  + Phản biện và trao đổi: 2 phút  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận hoạt động.**  - GV mời đại diện từng nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức è Ghi lên bảng.  - GV bổ sung: | **Bài tập 1: Phân tích và sửa lỗi.**  **a. *Là một người con của vùng Kinh Bắc, âm nhạc của ông luôn thể hiện những giai điệu đậm đà của dân ca quan họ.***  - Lỗi sai: Câu thiếu thành phần chủ ngữ  - Sửa: *Ông là một người con của vùng Kinh Bắc nên âm nhạc của ông luôn thể hiện những giai điệu đậm đà của dân ca quan họ.*  **b.** *Là họa sĩ chuyên về sơn mài, tranh của ông mang cốt cách trang trọng nhưng cũng thật duyên dáng.*  - Lỗi: Câu thiếu thành phần chủ ngữ  - Sửa: *Ông là họa sĩ chuyên về tranh sơn mài và tranh của ông mang cốt cách trang trọng nhưng cũng thật duyên dáng.*  **c.** *Đống trái cây vừa được chuyển đi hết lại được chở ùn từ trong rẫy ra.*  - Lỗi: Sai trật tự sắp xếp các thành phần câu  - Sửa: *Đống trái cây vừa được chuyển đi hết, trong rẫy lại chở ùn ra.*  **d.** *Trong đội hình có ba cầu thủ người Hàn Quốc vốn là một cường quốc bóng đá ở châu Á.*  - Lỗi: thiếu chủ ngữ và trật tự sắp xếp các thành phần câu.  - Sửa: *Hàn Quốc là một cường quốc bóng đá ở châu Á và trong đội hình có ba cầu thủ người Hàn.*  **Bài tập 2:** Phân tích và sửa lỗi  **a.** *Nhìn lên những câu đối treo trang trọng, được viết theo kiểu thư pháp. Mọi người lại nhớ đến bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.*  - Lỗi: dùng sai dấu câu.  - Sửa: *Nhìn lên những câu đối treo trang trọng, được viết theo kiểu thư pháp, mọi người lại nhớ đến bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.*  **b.** *Tòa soạn đang phối hợp vận động nhiều nguồn tài trợ khác. Để tiếp tục hỗ trợ cho các chương trình từ thiện của Hộ bảo trợ bệnh nhân nghèo thành phố.*  - Lỗi: dùng sai dấu câu.  -Sửa: *Tòa soạn đang phối hợp vận động nhiều nguồn tài trợ khác để tiếp tục hỗ trợ cho các chương trình từ thiện của Hộ bảo trợ bệnh nhân nghèo thành phố.*  **c.** *Mặc dù Nhà nước đã có chính sách về kinh tế trang trại, tưởng như mọi “rào chắn” đã được tháo dỡ. Thế nhưng bà con vẫn gặp rất nhiều khó khăn.*  - Lỗi: dùng sai dấu câu, có thành phần ngữ nghĩa không logic.  - Sửa: *Mặc dù Nhà nước đã có chính sách về kinh tế trang trại, mọi “rào chắn” đã được tháo dỡ, thế nhưng bà con vẫn gặp rất nhiều khó khăn.*  **d.** *Chăm lo cho trẻ đến trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Song không thể phủ nhận vai trò chính của người thầy trong việc tạo cho trẻ niềm vui thích, sự hứng thú trong học tập. Xây dựng môi trường học thân thiện cho học sinh nhằm giúp các em phát huy tiềm năng trong học tập cũng như sinh hoạt, giao tiếp.* (Cao Xuân Hạo)  - Lỗi: Câu thiếu chủ ngữ, trật tự sắp xếp thành phần câu chưa hợp lí, ngữ nghĩa chưa logic.  - Sửa: *Trẻ em được đến trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Song, không thể phủ nhận, người thầy có vai trò chính trong việc tạo cho trẻ niềm vui thích, sự hứng thú trong học tập. Như vậy, nhà trường cần xây dựng môi trường học an toàn, thân thiện nhằm giúp các em phát huy tiềm năng trong học tập cũng như sinh hoạt, giao tiếp.* (Cao Xuân Hạo)  **Bài tập 3:** **Tìm lỗi chung của các câu và sửa lỗi.**  - Lỗi chung: thiếu chủ ngữ  - Sửa:  a. *Tai nạn giao thông đã cho ta thấy rõ tác hại của rượu bia.*  b. *Chiều cao của học sinh trung học phổ thông qua điều tra mới đây là: nam cao 1,63 – 1,67 m; nữ cao 1,53 - 1,55 m.*  c. *Qua bài viết “Tôi có một giấc mơ”, Kinh đã góp thêm một tiếng nói về quyền bình đẳng của các dân tộc trên thế giới.*  d. *Căn phòng chưa đầy 16 m2 nhưng được chia làm ba phần, nơi tôi đang ngồi có hai chiếc bàn dài dùng làm nơi nghỉ của giáo viên trong giờ ra chơi.* (Cao Xuân Hạo)  **Bài tập 4: Tìm và sửa lỗi về thành phần câu.**  - Lỗi:  + Câu 1, 2, 3: thiếu chủ ngữ  + Câu 3: dùng sai dấu câu, ngữ nghĩa không logic.  + Câu 4: lỗi sắp xếp từ ngữ trong câu.  + Câu 6: thiếu chủ ngữ, ngữ nghĩa không logic.  + Câu 6,7: dùng sai dấu câu, lỗi sắp xếp thành phần câu chưa logic.  => Sửa:  *Chí Phèo là một hình tượng mang tính bi kịch. Nhân vật Chí Phèo không chỉ là hình tượng bi kịch thuần túy mà còn là bi kịch tăng tiến điển hình. Chí Phèo ngay từ khi mới lọt lòng đã là một đứa trẻ vô thừa nhận – không cha, không mẹ. Hình ảnh cái “lò ghạch cũ” có một vị trí quan trọng trong tác phẩm và gây ấn tượng mạnh cho người đọc. Vì Chí Phèo đã ra đời ở đây và trở thành đứa con rơi theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Kết thúc tác phẩm, sau cái chết của Chí Phèo, Thị Nở nhìn xuống bụng thầm nghĩ đến hình ảnh một cái “lò gạch cũ”, đó là dụng ý của tác giả về một vòng đời luẩn quẩn của những nạn nhân xấu số trong xã hội cũ.* |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về tiếng việt
2. Nội dung: GV chiếu bài tập (hoặc phát phiếu bài tập), HS suy nghĩ, trả lời.
3. Sản phẩm học tập: HS hoàn thành các bài tập mà GV yêu cầu.
4. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU BÀI TẬP

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ở châu Úc, diện tích ngô giảm một nửa nhưng năng suất lại tăng gấp đôi…Tổng sản lượngnhờ thế tăng gần gấp đôi.  …………………………………………  …………………………………………  …………………………………………  ………………………………………… | 3. Ở Trong toàn bộ truyện Kiều của Nguyễn Du đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến.  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………... |
| 2. Anh ta đóng cửa xe ô tô lại, ngồi vào trước vô lăng và nổ máy phóng đi.  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….. | 4. Với tất cả những hiểu biết của anh và bạn bè đồng trang lứa, đều có chung nhận xét là cuộc sống ở ký túc xá còn nhiều khó khăn quá.  …………………………………………..  …………………………………………..  ………………………………………….. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức về *Cách trích dẫn, chú thích và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*.

2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:

GV hướng dẫn HS thực hành củng cố và nâng cao qua việc làm các bài tập tiếng Việt trong Sách Bài tập Ngữ văn 11, tập 2.

**PHẦN VIẾT**

**Tiết 97, 98**

**VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Viết được một văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Trình bày, bày tỏ quan điểm bằng hệ thống luận điểm, lí lẽ được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ, các bằng chứng có sức thuyết phục.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**2.2. Năng lực riêng biệt:** Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày, bày tỏ quan điểm của mình, hệ thống luận điểm, lí lẽ được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ, các bằng chứng có sức thuyết phục.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình thực hiện viết một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, bài tập làm văn mẫu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

# c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV chia lớp thành 4 nhóm, chia bảng thành 4 ô.  - Các nhóm thi đua kể tên các hiện tượng ngoài đời sống và ghi vào ô của nhóm.  - Thời gian thực hiện 3 phút, hết thời gian nhóm nào viết được nhiều hiện tương đúng nhất sẽ dành chiến thắng.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ  ***\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS ghi câu trả lời lên bảng  ***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét. |  |

# HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a. Mục tiêu:** HS biết xác định vấn đề nghị luận về một hiện tượng đời sống. Biết xây dựng được các luận điểm, luận cứ để làm rõ vấn đề cần nghị luận.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Định hướng***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhiệm vụ 1**: Học sinh chuẩn bị trả lời các câu hỏi trước ở nhà  **-** Thế nào là hiện tượng đời sống?  **-**  Thế nào là viết bài nghị luận về hiện tượng đời sống?  **Nhiệm vụ 2**: HS đọc lại văn bản “*Tôi có một giấc mơ”*. Sau đó, trả lời các câu hỏi trong SGK.  **Câu 1:** Hiện tượng đời sống được đặt ra trong bài viết đó là gì?  **Câu 2:** Vì sao tác giả lại viết về hiện tượng đó?  **Câu 3:** Mục đích của văn bản đó là gì?  **Nhiệm vụ 3:** Để viết bài văn nghị luận bàn về một hiện tượng đời sống, cần chú ý các yêu cầu gì?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  **Nhiệm vụ 1:** HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi cặp đôitrả lời câu hỏi  **Nhiệm vụ 2,3:** GV chia lớp thành 6 nhóm, HS thảo luận và trả lời các câu hỏi.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV quay Randum gọi tên ngẫu nhiên hs trả lời câu hỏi ở các nhiệm vụ, hs khác nhận xét và bổ sung  Link Randum: <https://wheelofnames.com/vi/>  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét và củng cố kiến thức. | **1. Định hướng**  **-** Hiện tượng đời sống là bàn bạc về một hiện tượng đang diễn ra trong thực tế đời sống xã hội mang tính chất thời sự, thu hút sự quan tâm của nhiều người (như ô nhiễm môi trường, nếp sống văn minh đô thị, tai nạn giao thông, bạo hành gia đình, lối sống thờ ơ vô cảm, đồng cảm và chia sẻ…). Đó có thể là một hiện tượng tốt hoặc xấu, đáng khen hoặc đáng chê.  **-** Viết bài văn về một hiện tượng đời sống là viết bài văn trình bày ý kiến, phân tích, trao đổi, bàn luận về một hiện tượng của đời sống nhân sinh (chính trị, kinh tế, văn hoá, nghệ thuật, đạo đức, khoa học công nghệ, giáo dục, môi trường,…) mà người viết quan tâm.  ***a. Trả lời câu trả lời trong SGK***  **Câu 1:** Hiện tượng đời sống được đặt ra trong bài viết là “*Quyền bình đẳng của người da đen”.*  **Câu 2:** Vì tác giả thấy người da đen bị đối xử bất công, không được hưởng quyền bình đẳng.  **Câu 3:** Mục đích là khẳng định quyền bình đẳng của người da đen và kêu gọi sự đấu tranh dành quyền bình đẳng.  ***b. Một số yêu cầu khi viết bài văn nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống.***  - Xác định đối tượng chính mà bài viết muốn hướng tới (Viết cho ai?)  - Xác định mục đích của bài viết (Viết để làm gì?)  - Xác định nội dung cụ thể cần viết (Viết cái gì?)  - Xác định cách thức viết, bao gồm phương thức và các thao tác nghị luận; các phương; thức hỗ trợ khác; cấu trúc bài viết; tranh, ảnh, bảng biểu… (Viết như thế nào?)  - Thu thập các tư liệu liên quan đến hiện tượng đời sống được bàn luận trong bài viết. |
| ***2. Hoạt động hướng dẫn thực hành***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Đề bài: *Viết bài nghị luận nêu ý kiến của em về hiện tượng sính dùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp hằng ngày* *của giới trẻ Việt Nam hiện nay.*  GV yêu cầu HS:  - Xác định vấn đề cần nghị luận.  - Xác định luận điểm, luận cứ.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS làm thảo luận cặp đôi, trả lời trên phiếu học tập (trong thời gian phút). HS trả lời các câu hỏi trong SGK:  **Câu 1.** Hiện tượng sính dùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp là hiện tượng gì?  **Câu 2.** Hiện tượng sính dùng tiếng nước ngoài này có những biểu hiện nào?  **Câu 3.** Vì sao giới trẻ lại sính dùng tiếng nước ngoài?  **Câu 4.** Hiện tượng này nên hay không? Vì sao?  **Câu 5.** Có giải pháp/biện pháp nào để việc sử dụng tiếng nước ngoài trở nên hợp lí?  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV gọi đại diện một số nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.  - HS viết bài văn nghị luận. (Làm trên phiếu học tập)  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, củng cố kiến thức và cung cấp dàn ý về một hiện tượng đời sống cho HS.  Bài viết của HS phải đảm bảo một số yêu cầu cơ bản sau:  - Phần mở bài: giới thiệu ngắn gọn về hiện tượng  - Phần thân bài:  + Giải thích được hiện tượng  + Nêu các biểu hiện của hiện tượng  + Lí giải nguyên nhân của hiện tượng  + Bàn luận vấn đề: đánh giá hiện tượng tốt – không tốt, nêu căn cứ; nêu giải pháp.  - Kết bài: khẳng định lại quan điểm cá nhân về hiện tượng trên. | **2. Thực hành**  ***a. Trả lời câu hỏi trong SGK***  **Câu 1:** Hiện tượng sính dùng tiếng nước ngoài là hiện tượng giới trẻ kết hợp cách nói hay viết với tiếng ta với tiếng nước ngoài một cách tùy tiện, thiếu ý thức.  **Câu 2:** Biểu hiện:  **-** Trong các cuộc nói chuyện, giao tiếp hằng ngày chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp các bạn xem vào trong câu nói của mình những từ tiếng anh như trong một câu tiếng Việt thường chêm vào một vài từ nước ngoài.  **-** Có một số ông bố, bà mẹ hiện đang sinh sống trên đất Việt mà lại đặt tên con “nửa Tây, nửa ta” chẳng giống ai, đại loại như: A-lếch Hạ, Giôn-xơn Trần, Ku-mi Tấn...  **Câu 3:** Nguyên nhân:  - Thứ nhất: Việc giao tiếp tràn lan, mất kiểm soát trên các trang mạng xã hội, ngôn ngữ teen code nhanh chóng trở thành một thứ “mốt” thời thượng của các bạn trẻ. Nó như một cách thức để chứng tỏ đẳng cấp của bản thân  - Thứ hai: Sử dụng tiếng nước ngoài cũng có phần nhanh chóng, ngắn gọn hơn các từ tiếng việt  - Thứ ba: gia đình và nhà trường vẫn chưa có sự quan tâm sát sao đối với con em trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, chưa có các phong trào, giáo dục giúp nhận thức được vẻ đẹp của tiếng Việt  **Câu 4:** Tác hại:  - Thứ nhất, nó làm méo mó đi sự trong sáng của tiếng Việt, tiếng dân tộc thiêng liêng. Nó tạo nên một thói quen không tốt trong tác phong sinh hoạt hằng ngày nói chung và trong giao tiếp nói chung.  - Thứ hai, nó khiến cho người khác cảm thấy khó hiểu, thậm chí là khó chịu khi phải tiếp xúc với những loại ngôn ngữ như vậy.  - Cuối cùng, nó sẽ tạo thành một trào lưu, một tác động xấu làm ảnh hưởng đến văn hóa xã hội…  **Câu 5:** Giải pháp:  - Nhà nước cần có các văn bản quy định cụ thể về cách sử dụng tiếng nước ngoài trong các loại hình văn bản, trên các hình thức truyền thông, quảng cáo. Các cơ quan báo chí, truyền thông, bên cạnh việc tuyên truyền, khuyến cáo thì phải làm gương; phải trở thành mẫu mực trong việc sử dụng ngôn từ.  - Ở nhà trường, ngôn ngữ của các thầy cô giáo phải trong sáng, chuẩn mực, phù hợp với quy tắc và phong cách tiếng Việt.  - Gia đình cần thường xuyên nhắc nhở và giáo dục con em mình trong việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực; cần thận trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với nhau giữa các thành viên gia đình, tập thể.  ***b. Dàn ý chung về bài văn nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống xấu.***  \* **Mở bài:** Nêu vấn đề cần nghị luận  \* **Thân bài:** Lần lượt nêu các luận điểm, luận cứ theo trình tự phù hợp: Giải thích; Biểu hiện; Nguyên nhân; Tác hại; Giải pháp…  \* **Kết bài:**  - Khẳng định lại quan điểm cá nhân.  - Nêu bài học nhận thức và hành động.  ***c. Dàn ý chung về bài văn nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống tốt.***  \* **Mở bài:** Nêu vấn đề cần nghị luận  \* **Thân bài:** Lần lượt nêu các luận điểm, luận cứ theo trình tự phù hợp: Giải thích; Biểu hiện; Tác dụng; Phương hướng phát huy…  \* **Kết bài:**  - Khẳng định lại quan điểm cá nhân.  - Nêu bài học nhận thức và hành động. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức về cách thức viết bài nghị luận xã hội vào thực hiện bài tập.

**b. Sản phẩm:** Bài viết của HS

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS đọc bài tập 1 và các hướng dẫn trong SGK  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  GV chia HS thành 2 nhóm tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” để hoàn thành bài tập 1 vào bảng phụ (trong thời gian 5 phút).  - Bài tập 1: Hoàn thành những chỗ trống trong đoạn văn phân tích dẫn chứng sau đây để làm sáng tỏ luận điểm: “*Hiện tượng sinh dùng tiếng nước ngoài của giới trẻ hiện nay có nhiều biểu hiện phức tạp, cho thấy sự tùy tiện, thiếu ý thức của một bộ phận thanh thiếu niên*.”  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, củng cố kiến thức về cách phân tích dẫn chứng và thao tác lập luận bác bỏ. | Bài tập 1:  1. tiếng Anh/tiếng Pháp và tiếng Việt; thanh-kiu cô, sorry bạn.  2. kute; handsome; fan; men.  3. từ; biệt ngữ; xin lỗi; tiếng Việt. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức về cách thức viết bài nghị luận xã hội vào thực hiện bài tập.

**b. Sản phẩm:** Bài viết của HS

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS đọc bài tập 1 và các hướng dẫn trong SGK  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  GV chia HS thành nhóm đôi để hoàn thành bài tập 2 (trong thời gian 5 phút).  Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và cho biết: Người viết đã bác bỏ những luận điểm hoặc luận cứ gì? Bác bỏ bằng cách nào?(Gợi ý: dùng thực tế hay cách suy luận?)  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV quay Random chọn ngẫu nhiên các nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, củng cố kiến thức về cách phân tích dẫn chứng và thao tác lập luận bác bỏ. | Bài tập 2:  - Người viết đã bác bỏ các luận điểm “Truyện Kiều là quốc hoa, là quốc hồn, là quốc túy của Việt Nam” (1) và “Nguyễn Du … làm vẻ vang cho giống nòi” (2)  - Bác bỏ bằng phép suy luận  + Luận điểm (1): người viết đã bác bỏ bằng ý sau: “Ông Nguyễn Du dịch Kiều từ đời Gia Long; thế thì … ấy mà thôi”.  + Luận điểm (2): “ Thế thì những bậc đại nhân …giống nòi ta vẻ vang thế nào?” |

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| **Câu 1.** Hiện tượng sính dùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp là hiện tượng gì? |  |
| **Câu 2.** Hiện tượng sính dùng tiếng nước ngoài này có những biểu hiện nào? |  |
| **Câu 3.** Vì sao giới trẻ lại sính dùng tiếng nước ngoài? |  |
| **Câu 4.** Hiện tượng này nên hay không? Vì sao? |  |
| **Câu 5.** Có giải pháp/biện pháp nào để việc sử dụng tiếng nước ngoài trở nên hợp lí? |  |

**PHIẾU LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **VIẾT** |
| **I. MỞ BÀI**  - **Nêu vấn đề**: sự việc, hiện tượng bàn luận |  |
| **II.THÂN BÀI**  **1. Giải thích hiện tượng:**  *+ Hiện tượng* là…. |  |
| **2. Trình bày các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng.**  **a. Những biểu hiện của hiện tượng**  + Hiện tượng đó đã và đang diễn ra như thế nào?  + Lấy dẫn chứng để chứng minh.  (thường có 2 mặt: tốt - xấu, tích cực- tiêu cực) |  |
| **b.Nêu các nguyên nhân dẫn đến hiện tượng**  + Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng? (nêu nguyên nhân khách quan- chủ quan) |  |
| **c. Chỉ ra hậu quả (tác hại) của hiện tượng**  + Hiện tượng để lại hậu quả (tác hại) gì? |  |
| **d. Đề xuất giải pháp khắc phục**  + Có giải pháp/biện pháp nào để khắc phục hiện tượng? |  |
| **III. KẾT BÀI**  + Khẳng định quan điểm cá nhân  + Nêu bài học nhận thức và hành động. |  |

**PHẦN NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 99**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Hệ thống kiến thức đã học về trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống.

**2.** **Năng lực**

HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe qua việc trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống.

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện những phẩm chất sống trung thực, thể hiện được quan điểm của cá nhân và bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu tiếng Việt, có ý thức sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

SGK, SGV, Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập; máy tính, máy chiếu, bảng phụ, …

**2. Học liệu**

Tư liệu tham khảo, Kho học liệu số, …

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **TRƯỚC GIỜ HỌC**

GV hướng dẫn HS chuẩn bị:

(1)

- Đọc lại bài diễn thuyết “Tôi có một giấc mơ” của Martin Luther King.

- Xem lại hình ảnh Mác – tin Lu – thơ Kinh đang diễn thuyết trước hàng trăm người

- Qua bài diễn thuyết, tác giả thể hiện tình cảm, thái độ nào với người nghe? Em nhận biết được thái độ ấy qua những từ ngữ nào?

- Bằng “niềm tin” và giọng điệu hùng hồn của mình, tác giả muốn truyền đạt điều gì đến với người nghe?

(2)

* Thế nào là trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống?
* Để trình bày ý kiến một cách thuyết phục, hiệu quả, em cần làm gì?
* Khi tham gia thảo luận, trao đổi về một hiện tượng đời sống, người tham gia cần chú ý những gì?

1. **TRÊN LỚP**

**Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - Chiếu video về việc sử dụng song ngữ trong giao tiếp của thanh niên hiện nay  **Chêm tiếng Anh vào tiếng Việt| Zlife** [**https://www.youtube.com/watch?v=9dvw2Bxg58s**](https://www.youtube.com/watch?v=9dvw2Bxg58s)  - Qua video, em có ý kiến đánh giá, bình luận gì về hiện tượng được đề cập? Vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Xem, tạo hứng thú  - Nghe và suy ngẫm.  **B3: Báo cáo kết quả**  -Thanh niên lai căng, lạm dụng tiếng nước ngoài trong giao tiếp hàng ngày.  - Hiện tượng này mất đi sự trong sáng của tiếng Việt…  **B4: Đánh giá kết quả, dẫn dắt vào bài**  Nêu vấn đề bằng cách đặt câu hỏi  (?) Bạn có là người tự tin trong giao tiếp?  (?) Bạn có bản lĩnh bày tỏ chính kiến, quan điểm của bản thân?  (?) Bạn có tin rằng: cách trình bày, lập luận của mình đủ sức thuyết phục?  (?) Nếu giao cho bạn trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống, bạn sẽ làm như thế nào?  Những câu hỏi đó sẽ được giải đáp trong giờ học trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống. | |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| 1. **Định hướng** | |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 HS đọc toàn bộ nội dung mục *1. Định hướng*.  - GV nêu lại lần lượt các câu hỏi đã gợi ý cho phần chuẩn bị trước giờ học và gọi HS trình bày, bổ sung.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc, suy ngẫm  **B3: Báo cáo kết quả**  - Trình bày.  - Sản phẩm: Nội dung chuẩn bị  **+** Tác giả thể hiện thái độ thân thiện, vui vẻ (qua cách xưng hô “chúng ta – các bạn”)  + Với ngôn từ giản dị, gần gũi, giàu hình ảnh, điệp cấu trúc câu đã tạo nên giọng điệu hùng hồn cho bài diễn thuyết, có khả năng truyền cảm hứng, thể hiện sự quan tâm, mong muốn gắn kết người nghe với mình.  …  - GV mời HS nêu các câu hỏi, băn khoăn và giải đáp thêm (nếu có). | **1. Khái niệm**  Trình bày ý kiến đánh giá và bình luận về một hiện tượng đời sống là đưa ra các quan điểm, nhận xét, trao đổi về một hiện tượng nào đó trong đời sống, có liên quan đến nhiều người.  **2. Yêu cầu**  Để thuyết trình, thảo luận một vấn đề xã hội cần:  - Xác định đúng vấn đề cần đánh giá, bình luận (tính thời sự, ý nghĩa đối với nhóm người hoặc với cộng đồng…)  - Tìm hiểu kỹ nội dung thuyết trình  - Xác định rõ đối tượng nghe để sử dụng ngôn ngữ phù hợp và xác định nội dung trình bày.  - Xác định thời gian trình bày bài thuyết trình  - Chuẩn bị dàn ý, các tư liệu, thiết bị hỗ trợ  - Cần có thái độ văn hóa lịch sự, thân thiện  - Chủ động, sẵn sàng, nhanh nhạy khi trả lời các câu hỏi mà người nghe đặt ra. |
| **B4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  - Nhận xét và chốt kiến thức. |

**Hoạt động 3: Thực hành**

|  |  |
| --- | --- |
| GV giao nhiệm vụ | Những điểm cần lưu ý |
| 1. **Thực hành thuyết trình và thảo luận** | |
| Yêu cầu cả lớp đọc và thực hiện yêu cầu của bài tập theo nhóm (4-6 HS hoặc theo tổ) | Mỗi nhóm sẽ suy nghĩ, thảo luận về bài tập (SGK – 141)  *Hãy trình bày ý kiến của em về hiện tượng học sinh sùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp hằng ngày của giới trẻ hiện nay* |
| - Yêu cầu HS thực hiện theo mục a, b trong phần Gợi ý | HS xây dựng Tìm ý và lập dàn ý  Tham khảo phần *Viết*, điều chỉnh nội dung cho phù hợp với yêu cầu nói |
| - Gọi một số nhóm trình bày dàn ý, thảo luận và góp ý, rút kinh nghiệm chung. | Trình bày, nghe góp ý và chỉnh sửa, bổ sung dàn ý. |
| - Yêu cầu HS xây dựng bài thuyết trình theo dàn ý, khuyến khích HS sử dụng phần mềm trình chiếu (VD: Powerpoint) | Xây dựng bài thuyết trình theo dàn ý. |
| - Trước khi mời các nhóm HS trình bày, yêu cầu HS đọc lại mục a, b của phần Định hướng và lưu ý HS chuẩn bị các công cụ ghi chép và tâm thế để trao đổi, thảo luận. Có thể cử 1 HS có khả năng tổ chức làm người điều hành buổi báo cáo và thảo luận. | Đọc lại mục b) của phần Định hướng; chuẩn bị các công cụ ghi chép và tâm thế để trao đổi, thảo luận. 1 HS điều hành buổi báo cáo và thảo luận. |
| - Yêu cầu HS điều hành, đại diện nhóm thuyết trình và các nhóm khác nghe, ghi chép, nêu câu hỏi, thảo luận | Điều hành, đại diện nhóm thuyết trình và các nhóm khác nghe, ghi chép, nêu câu hỏi, thảo luận. |
| - Yêu cầu HS đọc rút kinh nghiệm và tiến hành việc tự đánh giá trong nhóm. | Rút kinh nghiệm và tự đánh giá trong nhóm. |
| - Gọi đại diện các nhóm nêu nội dung chỉnh sửa, rút kinh nghiệm và góp ý thêm cho HS. | Đại diện các nhóm nêu nội dung chỉnh sửa, rút kinh nghiệm, lắng nghe và ghi chép thêm phần góp ý của GV. |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV đưa vấn đề, hướng dẫn HS thuyết trình, thảo luận  *Hãy trình bày ý kiến của em về hiện tượng học sinh sùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp hằng ngày của giới trẻ hiện nay*  Nhận xét, trao đổi theo hai phiếu đánh giá sau:      **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Thể hiện rõ quan điểm, lựa chọn cách thuyết trình, đặt câu hỏi, phản biện phù hợp với các tiêu chí nhận xét, đánh giá  **B3: Báo cáo kết quả**  - Trình bày.  - Sản phẩm: Nội dung chuẩn bị  - GV mời HS khác nêu các câu hỏi, băn khoăn và giải đáp thêm (nếu có). | |

a. **Nêu vấn đề**:

Kính thưa cô giáo, thưa các bạn học sinh thân mến!

Là người Việt Nam, chúng ta tự hào rằng: trải qua bao chặng đường phát triển, tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ của dân tộc ta đã vượt qua mọi trở lực: chính sách đồng hóa của các tập đoàn phong kiến Trung Hoa, chính sách phản dân tộc của một số triều đại phong kiến Việt Nam, chính sách ngu dân của thực dân Pháp... để trở thành một ngôn ngữ giàu và đẹp, có bản sắc, đầy tiềm năng, có địa vị bình đẳng với tất cả các ngôn ngữ khác. Chúng ta tự hào chính đáng về điều này, để từ đó có ý thức cao hơn trong việc giữ gìn sự trong sáng và vẻ đẹp, sự giàu có của tiếng mẹ đẻ “thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý giá của nhân dân ta” (Hồ Chí Minh). Vậy nhưng hiện nay, *hiện tượng dùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp hằng ngày của giới trẻ Việt Nam hiện nay* diễn ra khá phổ biến.

**b. Triển khai vấn đề**

\* Giải thích: *Hiện tượng dùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp hằng ngày của giới trẻ Việt Nam hiện nay* là hiện tượng khi giao tiếp bằng tiếng Việt, với người Việt, rất nhiều bạn trẻ lại chêm xen tiếng nước ngoài, đặc biệt là tiếng Anh, một cách bừa bãi, khiến người nghe khó hiểu, gây ra tình trạng làm dụng tiếng nước ngoài khi không cần thiết.

\* Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Giới trẻ chúng ta, đặc biệt là học sinh, sinh viên là những người tiếp xúc với khoa học, công nghệ nhiều và có điều kiện tiếp nhận nhanh, nhất là trong thời kì công nghệ thông tin; Internet đang phát triển với tốc độ chóng mặt. Mỗi lúc rảnh rỗi lại lôi ra lướt facebook, xem phim... và thứ “ngôn ngữ mạng” ấy rất dễ thâm nhập vào các đối tượng này.

+ Mở cửa hội nhập cũng đồng nghĩa với việc những phong cách sống và văn hóa của các nước khác sẽ thâm nhập vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau, mà giới trẻ lại là lứa tuổi thích cái mới, cái lạ, thích học hỏi và tiếp thu những thứ đó và tạo ra cái của riêng mình, dần dần nó xuất hiện trong lời nói, câu chữ. Khách quan mà nói, ngôn ngữ của giới trẻ giống như mốt thời trang. Nó được sử dụng nhằm thể hiện cá tính, tâm lý thích đổi mới, ưa cái lạ, chuộng cái hay của giới trẻ. Điều này thấy rõ ở ngôn ngữ mạng, một kiểu ngôn ngữ cá nhân nhưng lại nằm trên mạng xã hội, có sức lan tỏa rất lớn. Ngôn ngữ trên mạng đôi lúc không câu nệ một sự chuẩn mực nào mà nó đã trở thành một phong cách. Tuy nhiên, nếu dùng mãi sẽ trở thành quen, có thể dẫn đến việc giới trẻ sử dụng chệch hướng, biến nó thành ngôn ngữ trong nhà trường, trong các văn bản. Xa hơn nữa, nó sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới tư duy.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Giới trẻ là những người thích khẳng định mình và muốn thể hiện mình. Họ muốn cho người khác biết mình là một con người rất hiện đại, rất lạ và khác biệt trong cách sống, cách ăn mặc và nói năng; có tri thức và vốn ngôn ngữ phong phú. Bởi vậy, có người đã chạy theo một thứ thị hiếu mang tính cực đoan, cho rằng tiếng Việt không đủ sức diễn đạt ngữ cảnh của lời nói. Thậm chí có người tỏ ra đề cao quá mức các ngôn ngữ ngoại. Họ cho rằng phải dùng tiếng nước ngoài thì lời nói mới “sang”, mới “hiện đại”, mới “đẳng cấp”, mới “hợp mốt”. Quan niệm này đã khiến không ít các bạn trẻ tìm đến và sử dụng kiểu ngôn ngữ “lai tạp” nửa tây nửa ta một cách thản nhiên như vậy.

+ Nhận thức và trách nhiệm của gia đình cũng chưa theo kịp với những xu hướng của lớp trẻ. Nhiều bậc phụ huynh còn cổ súy cho lối đua đòi vô lối của con cái. Một đứa trẻ tiểu học cũng được sử dụng điện thoại, thậm chí dùng được cả facebook. Một bộ phận không nhỏ tỏ ra thời thượng, chiều con không đúng cách đã vô tình đẩy lớp trẻ vào thế giới ảo không thể kiểm soát.

+ Nhà trường và các tổ chức xã hội thường không để ý đến những khía cạnh mang tính cực đoan của xu hướng này. Các nội dung giáo dục hầu như chưa hề đả động đến một giải pháp cụ thể mà chỉ mới dừng lại ở “khẩu hiệu” hô hào “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” mà thôi. Thậm chí một số cá nhân hoặc cơ quan báo chí, truyền thông cũng vô tình “vạch đường cho hươu chạy”. Nhiều từ ngữ (có thể là từ vay mượn) đã được dân ta sử dụng từ bao đời, đã hiểu rất rõ về nghĩa và cả chức năng ngữ pháp, cách biểu hiện trong các tình huống giao tiếp khác nhau… lại được những người làm truyền thông đưa ra những thuật ngữ mới. Có thể những người lao động thành thị cũng như nông thôn chúng ta nghe khái niệm *khởi nghiệp* sẽ dễ hiểu hơn là*startup hoặc start-up*. Thay vì nói “Báo Lao động hôm nay *chạy hàng tít*…” có thể nói “Báo Lao động hôm nay *có bài viết…*”, hoặc “Báo Lao động hôm nay *có bài viết, với tiêu đề*...”. Thay vì nói “Báo Thanh niên chạy hàng tít ấn tượng “sổ hộ khẩu sắp hết thời” (Báo chí toàn cảnh 29/10/17) có thể nói “Báo Thanh niên có bài viết…”. Hay, thay vì nói “… sắp tới đội ngũ *dresser* sẽ có nhiều việc phải làm”(chương trình Chuyển động 24h), ta có thể nói “… sắp tới đội ngũ *phục trang* sẽ có nhiều việc phải làm”.v.v… Thậm chí có người làm truyền thông còn dùng kết hợp từ ngoại lai với từ tiếng Việt một cách khá lạ (vừa tây, vừa Tàu, vừa ta), ví dụ: “Giải quần vợt Việt Nam open” (Thời sự trưa 28/10/2017 - mục thể thao). Có thể thanh niên bây giờ rất thích những “tác phẩm bom tấn” như nhiều chương trình truyền hình giới thiệu. Thậm chí có biên tập viên truyền hình Việt Nam còn quả quyết rằng *trong tháng này chúng ta sẽ được thưởng thức hai bom tấn…*trong lúc vừa đưa tin lực lượng đồng minh của Mỹ đã ném một quả bom siêu trọng (2,7 tấn) xuống một khu vực ở Apganistan. Có lẽ những ai từng đi qua cuộc chiến tranh của dân tộc những thập niên 60, 70 thế kỷ trước hay người dân đang ở Trung Đông hôm nay sẽ cảm thấy không mấy dễ chịu khi nghe lối diễn đạt và dùng từ như vậy.

\***Hậu quả:**

- nếu không có giải pháp chọn lọc, điều chỉnh và phần nào là ngăn ngừa kịp thời thì sẽ dễ dẫn đến những hậu quả xấu. Những nét đẹp truyền thống được hun đúc, tích tụ hàng ngàn năm của tiếng Việt có thể bị phá vỡ, thay vào đó là một sự pha tạp, lai căng, chắp vá. Vì vậy, thiết nghĩ, từ các cơ quan chức năng của nhà nước đến mỗi người dân đều phải có sự nhận thức đầy đủ, chung tay góp sức giải quyết vấn đề.

\*Giải pháp

- Từ các cơ quan chức năng của nhà nước đến mỗi người dân đều phải có sự nhận thức đầy đủ, chung tay góp sức giải quyết vấn đề.

+ Nhà nước cần có các văn bản quy định cụ thể về cách sử dụng tiếng nước ngoài trong các loại hình văn bản, trên các hình thức truyền thông, quảng cáo. Các cơ quan báo chí, truyền thông, bên cạnh việc tuyên truyền, khuyến cáo thì phải làm gương; phải trở thành mẫu mực trong việc sử dụng ngôn từ. Theo tôi, mục tiêu quan trọng nhất của báo chí là hiệu quả của các thông tin đến người tiếp nhận. Vì vậy, phương tiện truyền thông là hướng tới sự đơn giản, dễ hiểu, chứ không phải là nơi thể hiện các “nghệ thuật” ngôn từ.

+ Ở nhà trường, bên cạnh việc giáo dục cho học sinh thấy rõ được cái đẹp, cái tinh tế, bản sắc và tiềm năng của tiếng Việt chúng ta, với phương châm: có hiểu mới yêu, có yêu mới trân trọng, mới làm tốt việc *giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, các thầy cô giáo phải là tấm gương trong việc thực hiện nhiệm vụ đó. Ngôn ngữ của các thầy cô giáo phải trong sáng, chuẩn mực, phù hợp với quy tắc và phong cách tiếng Việt. Giao lưu, tiếp xúc ngôn ngữ là hiện tượng xã hội.

+ Để hạn chế những tiêu cực trong tiếp nhận, sử dụng cần có sự tham gia của toàn xã hội, trong đó gia đình và các tổ chức đoàn thể xã hội đóng vai trò quan trọng. Gia đình cần thường xuyên nhắc nhở và giáo dục con em mình trong việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực; cần thận trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với nhau giữa các thành viên gia đình, tập thể; không để những hiện tượng xấu trong giao tiếp ngôn ngữ ảnh hưởng tiêu cực đến con em mình. Các tổ chức đoàn thể mà hạt nhân là Đoàn thanh niên, tổ chức các diễn đàn, bên cạnh tìm hiểu kiến thức về tiếng Việt còn hướng tới việc tạo môi trường thực hành ngôn ngữ, kịp thời điều chỉnh những sai lạc trong tiếp nhận, sử dụng các ngôn ngữ ngoại lai.

\* Bài học nhận thức, hành động

- Mỗi bạn trẻ cần ý thức rõ: trong thời kì hội nhập, phát triển, việc học và sử dụng thành thạo song ngữ là rất cần thiết. Nhưng sử dụng ngôn ngữ nào phải phù hợp với mục đích và đối tượng giao tiếp. Khi giao tiếp bằng tiếng Việt, phải sử dụng trong sáng, chuẩn mực, không chêm xen tiếng nước ngoài tùy tiện.

**c. Kết thúc vấn đề**

Các bạn ạ! Trước đây, trong bối cảnh nước ta còn bị người Pháp đô hộ, học giả Phạm Quỳnh đã từng nói: “Tiếng ta còn, nước ta còn”. Có thể chúng ta cũng chưa hiểu hết hàm ý của tác giả trong bối cảnh ra đời của câu nói, nhưng qua hình thức lập luận có thể thấy, sự cần thiết của việc giữ gìn những tinh hoa của tiếng Việt trước nguy cơ nền văn hóa của ta bị “Tây hóa”. Nay nước ta đã hoàn toàn độc lập, không còn phải chịu áp lực gì từ các thế lực ngoại bang, nhưng nếu chúng ta không có những chính sách và giải pháp hiệu quả cho vấn đề thì không ai dám chắc rằng sẽ không có nguy cơ tiếng Việt sẽ biến mất bởi chính những người Việt trẻ. Vì vậy, ngay bây giờ, chúng ta hãy cùng nhau nâng cao ý thức giữ gìn tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình, các bạn nhé!

**B4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**

- Nhận xét và chốt kiến thức.

**3. SAU GIỜ HỌC**

GV yêu cầu HS hoàn thiện bài thuyết trình và có thể trình bày cho người thân nghe.

**PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiết 100**

***THẾ HỆ TRẺ CẦN CÓ QUYẾT TÂM LỚN VÀ PHẢI BIẾT HÀNH ĐỘNG***

**-NGUYỄN THỊ BÌNH-**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Về kiến thức:** Văn bản *Tự đánh giá*: là văn bản nghị luận xã hội hiện đại – “*Thế hệ trẻ có quyết tâm lớn và phải biết hành động”* (Nguyễn Thị Bình)

**⬥ Học sinh nêu** được được mục đích và đối tượng của “*Thế hệ trẻ có quyết tâm lớn và phải biết hành động”.*

**⬥ Học sinh phân tích** được quan điểm và nghệ thuật lập luận được tác giả Nguyễn Thị Bình thể hiện trong văn bản.

**2. Về năng lực**

**⬥ Học sinh vận dụng** năng lực rèn luyện các kĩ năng đọc hiểu và kĩ năng viết để tự học.

**3. Về phẩm chất**

 Rút ra các bài học đề cao tinh thần yêu nước, trách nhiệm trong việc xây dựng đất nước.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị:** Máy tính, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. Tiến trình dạy học**

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.  **b. Nội dung thực hiện:**  **-** GV tổ chức cho HS cả lớp tham gia cuộc thi kể tên các văn bản nghị luận hiện đại.  - HS huy động hiểu biết để tham gia. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV đưa ra yêu cầu: Kể tên các văn bản nghị luận xã hội hiện đại mà em đã học hoặc đã đọc.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh chia lớp thành hai nhóm hơn trao đổi, thảo luận (thời gian 3 phút) và trả lời.  **Bước 3. Báo cáo kết quả thảo luận**  Đại diện HS hai nhóm trình bày: “*Bài toán dân số”* (Thái An)*,* “*Ôn dịch*, *thuốc lá” (*Nguyễn Khắc Viện),…  **Bước 4. Đánh giá kết quả**   * GV tuyên dương nhóm giành được chiến thắng và tặng quà (nếu có). * Giáo viên dẫn dắt vào bài học. | |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động:**  - **Học sinh nêu** được mục đích và đối tượng của văn bản “*Thế hệ trẻ có quyết tâm lớn và phải biết hành động”* (Nguyễn Thị Bình).  - **Học sinh phân tích** được quan điểm và nghệ thuật lập luận được tác giả thể hiện trong bức thư.  **- Học sinh phân tích** được một số từ ngữ, hình ảnh trong bức thư.  - **Học sinh nêu được ý nghĩa** về những hiểu biếttư tưởng và tài năng của tác giả  **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh thực hiện bài đọc trong phần tự đánh giá | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  + Học sinh thực hiện yêu cầu tự đánh giá qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và tự luận ở sách giáo khoa, trang 144, 145,146.  **Câu 1.** Mục đích của bài viết là gì?  A. Thuyết phục mọi người dân phải có quyết tâm và hành động vì mục tiêu phát triển đất nước hùng cường  B. Thuyết phục các bạn trẻ phải có quyết tâm và hành động xứng đáng để xây dựng đất nước hùng mạnh  C. Khẳng định truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân ta trong lịch sử chống giặc ngoại xâm  D. Khẳng định những cơ hội và thách thức lớn đối với đất nước ta trong thời kì hội nhập quốc tế  **Câu 2.** Đối tượng chính mà bài viết muốn hướng tới là ai?  A. Công nhân, chuyên viên giỏi  B. Kĩ sư, bác sĩ, giảng viên  C. Cán bộ lãnh đạo, quản lí  D. Học sinh, sinh viên, trí thức trẻ  **Câu 3**. Theo tác giả, Việt Nam chỉ nhỏ bé ở giai đoạn lịch sử nào?  A. Trước thế kỉ XX  B. Từ đầu thế kỉ XX đến trước năm 1945  C. Từ năm 1945 đến trước đổi mới (1986)  D. Từ năm 1986 đến năm 2006 (20 năm đổi mới)  **Câu 4.** Để khẳng định Việt Nam không phải là nước nhỏ bé, tác giả đã không đưa ra những lí lẽ hoặc dẫn chứng nào?  A. Cùng với Lào, Cam-pu-chia, chúng ta là Indochine Francaise (Đông Dương thuộc Pháp) có 95% dân số thoát nạn mù chữ  B. Cách mạng tháng Tám thành công dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Cách mạng đầu tiên ở Đông Nam châu Á  C. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với Chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, làm lung lay cả hệ thống thực dân thế giới  D. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ kéo dài 21 năm và kết thúc với thắng lợi vĩ đại khiến cả thế giới biết đến Việt Nam  **Câu 5.** Với việc dẫn ra các số liệu (Việt Nam thu nhập 600 USD / đầu người / năm. Thái Lan: 2 000 USD / đầu người / năm, Ma-lai-xi-a: 5 000 USD / đầu người / năm, Hàn Quốc năm 1950 mới 100 USD / đầu người / năm đến nay đã lên đến trên 19.000 USD/ đầu người / năm,...), tác giả muốn làm rõ điều gì?  A. Việt Nam đã xuất khẩu được gạo và nhiều hàng hoá ra các nước trên thế giới  B. Việt Nam là quốc gia phát triển, có tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối tốt  C. Việt Nam vẫn còn là nước rất nghèo, tụt hậu so với nhiều nước xung quanh  **Câu 6.** Phương án nào thể hiện đúng và đầy đủ nhất những mong muốn của tác giả đối với thế hệ trẻ?  (1) Phải đứng dậy, không né tránh mà chấp nhận cuộc đấu tranh, hội nhập quốc tế tham gia WTO  (2) Phải biết đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết để đoàn kết lại thành một khối, từ đó tạo ra sức mạnh  (3) Phải giúp mọi người dân tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập để sánh vai với các nước trong khu vực  (4) Phải biết cách học để trở thành những người có chuyên môn giỏi, có năng lực tốt và tầm nhìn xa  (5) Phải biết đấu tranh và vượt qua những yếu kém, tiêu cực đang làm cho mọi người bất bình, căm giận  A. 1- 2- 3  B. 1- 3- 5  C. 2- 3- 4  D. 2- 4- 5  **Câu 7.** Em hiểu ý của tác giả trong câu văn sau như thế nào: *“Bản thân học sinh và sinh viên phải tự mình khắc phục những suy nghĩ lệch lạc, những tiêu cực của mình"?*  **Câu 8.** Em có đồng tình với quan điểm dưới đây không? Vì sao?  *“Phải có sức mạnh của trí tuệ, chúng ta mới có thể khắc phục những yếu kém nhược điểm để có thể cạnh tranh với các nước, tiến về phía trước.".*  **Câu 9.** Bằng các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, em hãy làm sáng tỏ luận điểm sau: *“Ta còn nhiều khó khăn nhưng mọi người đều thấy hiện nay ta có vận hội lớn.”.*  **Câu 10.** Nếu được viết một bức thư gửi các nhà lãnh đạo của đất nước ta để bày tỏ ý kiến của mình về những giải pháp xây dựng một đất nước Việt Nam lớn mạnh, em sẽ viết những gì?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện bài đọc trong phần tự đánh giá  - Học sinh làm việc cá nhân và làm việc theo cặp từng bàn.  - Giáo viên định hướng giúp đỡ học sinh  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  **-** Giáo viên nhận xét, chốt những kiến thức  - Giáo viên **hướng dẫn tự học**:  + Tìm đọc các văn bản nghị luận sau:  Toàn văn bài viết (tiểu luận) “Một thời đại trong thi ca”trong “*Thi nhân Việt Nam*” (Hoài Thanh, Hoài Chân); Các bài diễn văn/ phát biểu của các nhà chính trị, văn hóa, khoa học nổi tiếng thế giới. Ví dụ: “*Tôi sẵn sàng chết*” của Nen-xơn Man-đê-la, “*Hẹn hò với định mệnh*” của Gia-oa-hác-lan Nê-ru.  **+** Viết một bài luận trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống của cộng đồng, nhân loại mà em thấy gần gũi, thiết thực.  + Tập chuyển một (một số) bài luận trên thành bài thuyết trình/ khuyến khích sử dụng các phần mềm điện tử để tạo các bài thuyết trình hấp dẫn (PowerPoin,…). | **G. TỰ ĐÁNH GIÁ**  **1. Trắc nghiệm**  **Câu 1.** B. Thuyết phục các bạn trẻ phải có quyết tâm và hành động xứng đáng để xây dựng đất nước hùng mạnh  **Câu 2**. D. Học sinh, sinh viên, trí thức trẻ  **Câu 3**. B. Từ đầu thế kỉ XX đến trước năm 1945  **Câu 4**. A. Cùng với Lào, Cam-pu-chia, chúng ta là Indochine Francaise (Đông Dương thuộc Pháp) có 95% dân số thoát nạn mù chữ    **Câu 5.** C. Việt Nam vẫn còn là nước rất nghèo, tụt hậu so với nhiều nước xung quanh  **Câu 6.** D. 2- 4- 5  **2. Tự luận**  **Câu 7.**  Theo tác giả, học sinh, sinh viên muốn xây dựng và phát triển đất nước thì trước hết phải rèn luyện đạo đức của bản thân. Học sinh, sinh viên phải tự mình khắc phục những suy nghĩ lệch lạc, những tiêu cực của mình, phòng, chống tai tệ nạn. Mỗi cá nhân có ý thức bảo vệ trật tự an ninh xã hội thì đất nước mới phát triển được.  **Câu 8.** Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm: *“Phải có sức mạnh của trí tuệ, chúng ta mới có thể khắc phục những yếu kém nhược điểm để có thể cạnh tranh với các nước, tiến về phía trước"*. Bởi lẽ, tri thức là nguồn sức mạnh to lớn nhất để có thể giải quyết mọi vấn đề. Người có trí tuệ sẽ giúp cho đất nước được xây dựng, hoàn thiện một cách đường lối và có bài bản, giúp cho đất nước được phát triển một cách tốt nhất.  **Câu 9.**  Các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể làm sáng tỏ luận điểm: “Ta còn nhiều khó khăn nhưng mọi người đều thấy hiện nay ta có vận hội lớn” là:  \* Lí lẽ:  - Những khó khăn, thách thức mà chúng ta vẫn phải đối mặt:  + Luôn phải đối mặt với sự rình rập và chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.  + Môi trường sống vẫn luôn phải đối mặt với nhiều thiên tai và thời tiết xấu ảnh hưởng đến đời sống và công việc của nhân dân.  + Bị chiến tranh tàn phá nặng nề bởi phải chịu sự xâm chiếm của rất nhiều nước do đó cũng bắt đầu phát triển muộn hơn so với các nước khác.  - Những vận hội:  + Nước ta luôn tồn tại rất nhiều tinh thần và truyền thống tốt đẹp như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, lòng thương người,…  + Có sự dẫn dắt tốt của những nhà lãnh đạo đất nước.  + Nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân lực lao động dồi dào...  - Dẫn chứng:  + Liên tiếp trong bốn năm, từ năm 2016 - 2019, Việt Nam đứng trong top 10 nước tăng trưởng cao nhất thế giới, là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất.  + Năm 2020, Kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng dương 2,91%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 281,5 tỷ USD, nhập khẩu 262,4 tỷ USD. Thị trường trong nước ổn định, hàng hóa dồi dào, giá cả phải chăng ngay trong giai đoạn khó khăn do đại dịch. Dòng vốn FDI tiếp tục đổ về Việt Nam trong năm qua với 28,5 tỷ USD, đưa Việt Nam trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn.  + Năm 2022, Chính phủ đã thực hiện hàng loạt chính sách hỗ trợ, củng cố năng lực phục hồi cho doanh nghiệp, trong đó có các chính sách miễn giảm thuế, phí... tuy nhiên tổng thu ngân sách đến hết tháng 11/2022 đã vượt 16,1% dự toán và tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước.  **Câu 10.**   * **Hình thức bức thư: 3 phần**   **1. Phần mở đầu:** Người nhận, giới thiệu bản thân và lí do viết thư  Kính gửi các nhà lãnh đạo của đất nước Việt Nam!  Cháu tên là….. học sinh trường….. Hôm này, cháu viết thư này gửi tới các nhà lãnh đạo để trình bày quan điểm của mình về các giải pháp nhằm xây dựng một đất nước Việt Nam mạnh mẽ hơn.  **2. Phần nội dung:** trình bày các giải pháp  - Là một người Việt Nam yêu nước, chắc chắn, ai ai cũng mang trong mình quyết tâm bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam lớn mạnh.  - Bản thân cháu còn nhỏ tuổi nhưng cũng muốn góp một phần công sức của mình bằng việc mạnh dạn trình bày quan điểm của mình về các giải pháp nhằm xây dựng một đất nước Việt Nam mạnh mẽ hơn. Cụ thể như sau:  + Về kinh tế: chú trọng phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng chống hàng giả, hàng kém chất lượng, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, thực phẩm. Có biện pháp xử phạt nghiêm minh, mạnh mẽ hơn nữa. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững mạnh không chỉ giúp cho đất nước phát triển về mặt đời sống, du lịch, sức khỏe, kinh tế mà còn giúp cho việc các công ty nước ngoài tìm đến đầu tư nhiều hơn.  + Về chính trị: củng cố toàn diện bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương. Các nhà lãnh đạo, bên cạnh chữ “tài” cần đặc biệt giữ gìn chữ “tâm”, chữ “đức”, đặt lợi ích của đất nước và nhân dân lên hàng đầu, xóa bỏ tệ nạn tham nhũng.  + Về luật pháp và an ninh trật tự:  Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng ngừa, chống tội phạm, giúp cho vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt với các hành vi bạo hành trẻ em, hiếp dâm cần có biện pháp xử lí mạnh tay hơn nữa.  + Về vấn đề bảo vệ môi trường: muốn phát triển kinh tế bền vững phải đi liền với bảo vệ môi trường sống. Tích cực bảo tồn, giữ gìn các cây xanh lâu năm, trồng thêm nhiều cây xanh, nhất là các đường phố, khu đô thị lớn. Tăng cường công tác bảo vệ rừng, không khai thác bừa bãi tài nguyên thiên nhiên, giữ sạch sẽ môi trường nước, sông ngòi, ao hồ, hạn chế việc san lấp ao hồ để xây dựng công trình…  + Công tác thân dân: nên tiếp thu ý kiến của người dân về mọi lĩnh vực. Từ đó chắt lọc và thực hiện để đáp ứng nguyện vọng ấy.  **3. Phần kết: Lời cảm ơn, kí và ghi rõ họ tên người gửi**  Trên đây là những góp ý nho nhỏ của cháu trong việc xây dựng một đất nước. Là một công dân, cháu luôn mong muốn được góp sức mình vào công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Hành động thiết thực nhất với cháu lúc này là chăm chỉ học tập, rèn luyện để trau dồi tri thức, kĩ năng sống, phát triển và hoàn thiện bản thân. Cháu mong rằng các vị lãnh đạo sẽ quan tâm ý kiến của cháu và cân nhắc thực hiện theo nguyện vọng của một công dân trong đất nước. |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

* Viết bài trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề mà em đang quan tâm.